ARC HOANG 100

MỞ ĐẦU

Năm Thìn thứ ba mươi ba,
Việt-nam mừng thấy quốc-gia trị-bình.
Ơn trên vẹn cuộc công-danh,
Thong-dong bút chép sự mình xưa sau.

I. LÚC NHỎ

Thời vua Vĩnh-thịnh xem châu,
Kể năm Ất-dậu (1705) làm đầu trị dân.
Tháng ba là tháng quí-xuân,
Giờ Thìn mười chín, ấy tuần sơ-sinh.
Giám rằng duy nhạc giáng linh,
Song nơi đất tổ trời dành phúc cho.
Ba mươi ngày đủ tháng no,
Rước lên bà ngoại, kẻo lo chưa từng.
Đêm ngày dưỡng-dục ân-cần,
Xuân-hoa thấm tốt kể chừng bảy năm.
Đến ngày viết ấu đặt tên,
Phá lòng học Tiểu-trạng-nguyên thơ bài.
Nhâm-thìn (1712) Quí-tị (1713) hòa hai,
Vâng theo cha mẹ, lại dời bản-hương.
Việc nhà canh độc ngày thường,
Khắp trong thôn-ấp kính-nhường ngợi khen.
Mười ba, mười bốn nhẵn lên,
Nàng Doanh cũng đã có tin ước thầm.
Song hiềm miệng thế khôn cầm,
Cầm lành để đợi tri-âm vội gì.
Mười lăm mười bảy kịp thì,
Lại lên ngoại-quán chăm đi học-hành.

Mục môn cậu-thị thì danh,
Theo người khuya sớm tập-tành van-chương.

ĐI THI

Tuổi vừa mười chín thí hường, (1723)
Ba ngày thoát đã cửa trường đề tên.
Năm sau chỉnh níp thượng Kinh,
Học trường thầy Cả Xuân-canh đương thì. (họ 黎?)
Hai mươi hai tuổi khoa thi,
Mũi tên bắn lọt thu-vi bốn ngày. (1726)
Rồi ra phúc-thí liền tay,
Nhà lầu xuống sổ tên nay y lề.

CƯỚI VỢ

Mảnh tin nhạn cá đi về,
Người phô gia-sáo (?), kẻ khoe nữ-tài.
Quyết điều gió thoảng ngoài tai,
Lòng còn nhớ chốn có lời ước xưa.
Duyên kia phận nọ chưa vừa,
Ai hay cũng một lòng chờ chẳng sai.
Bỗng đâu tác-hợp bể trời,
Vô-duyên nào biết là người hữu-duyên.
Thứ tư tuy trẻ thiếu-niên,
Song trong phụ-đức xem nên mọi phần.
Vấn danh, nạp thái một lần,
Mừng rằng được chốn thê thân từ rày.
Nào ai yêu ghét bấy chầy,
Bây giờ vàng đá mới hay thập thành.
Mậu-thân (1728) tháng tốt ngày lành, (1728)
Phòng hương họp mặt ả anh một nhà.

SINH GÁI, MẸ MẤT

Tới nam Tân-hợi (1731) thứ ba,
Hủy-xà điềm đã ứng ra rành-rành.
Việc trong gia-thất đã đành,
Rèn công đang-hỏa rấp-ranh kịp người.
Hay đâu thì-vận ở trời,
Từ-thân sớm đã tếch vời tiên-hương.
Tuổi thơ,nhà bạc, khôn lường,
Ba nam nấm bấm, hai tuồng ngỡ nên.

LÀM GIA-THẦN, VIỆC NHÀ

Đến nam Quí-dậu (1733), nhị niên,
Vâng lời ngoại-nhạc làm tên gia-thần.
Giảng-diên đạc-dụ chầu gần,
Phần phen ứng-chực hai lần từng đôi.

Giáp-dần (1734) sự đã vừa rồi,
Còn xem thân-phụ lấy ai bạn cùng.
Vâng lời mậu chúc ghi lòng,
Tìm người thứ-thất chấp trung nghiêm-đường.
Đoạn rồi cất-đặt sửa-sang,
Đoạn rồi đội níp lên đường từng sư.
Đến nam Ất-Mão (1735) thứ tư,
Rõ sinh nam-tử sởn-sơ được mừng.
Hay đâu vừa dứt vận hằng,
Tháng tư, bà ngoại trông chừng cõi tiên.
Phục thôi vừa được nửa niên,
Lại tin ông nội cách miền xa chơi.
Hóa-nhi sao khéo quấy người,
Chưa vui đã tẻ, khôn nài lo-âu.

Bốn năm ba thứ âu-sầu,
Một mình hàn-tố biết hầu làm sao.
Xem đi liệu lại nài bao,
Tùy khi phong-liệm việc nào cũng nên.
Trong nhà vách dựng khôn gìn,
Làm sao cho khỏi tần-phiền lụy thân.

ĐƯỢC CHÚA BAN THƯỞNG

Bĩ rồi lại thái chuyển-vần,
Bính-thìn (1736) hội-thí bảng xuân hai ngày. 1736
Vả trong hầu giảng bấy chầy,
Quyền sang dự chính ngự rày Bắc-cung.
Chọn vào tùy giảng triều-trung,
Kể rằng đã gặp long-vân hội lành.
Dù ai chỉ-xích diệm-hành,
Cậy duyên cảng-ngộ đã đành kết tri.
Thế-tình nồng đạm mà chi,
Ắt là cũng thích, trời thì đúc nên.
Đến năm Đinh-tị (1737) tam niên, 永祐三年 (Lê Y-tông) 1737
Ở nhà bỗng thấy có tin truyền bài:
Chia cho văn-chức mười người,
Chia phen chực giảng nào ai giám bì.
Đồng-hồ ngự khảo đòi khi,
Hai kì dự trúng hai kì thưởng-ban.
Ngọ-niên (1738) truyền bản-phủ quan,
Hai phen là tích để toan chọn người. 1738
Phú thi quốc-ngữ đôi bài,
Tên trong thứ bốn, giải ngoài năm quan.
Tiên-thư bái-tạ sân đan,
Câu-kê ngự-tích truyền ban ngự-tiền.

Sang năm vâng mở giảng-diên,
Ngự-đề thứ nhất ban tiền thưởng tươi.
Nam-môn chính-ngự năm Mùi (1739),
Chọn vào nội-giảng bốn tên gia-thần.
Đường cung túc-trực hai lần,
Vũ-kinh, sử-học chầu gần tấc gang.

Canh-thân (1740), qui nhất phủ-đường,
Những phiên các việc tra tường cung Đông.
Tự-thừa suy huệ chức trong,
Lại ban tra-toán lục cung sự hành.
Dậu-niên (1741) hộ-giá nam-chinh,
Tuất-niên (1742) quản-chiếu hoàn-thành nhập môn.
Hợi-niên nội-thị chính-ngôn,
Ba ngày một thứ gác son vào chầu.
Cửa vua mở tiếp diệu mầu,
Quan-binh toản-hộ mệcdầu việc trong.
Gián-thư ngôn sự mấy phong,
Bao-dương ngự-bút lưu trong rành rành.
Cơ-nghi mọi việc thi-hành,
Ba kì ba giải nức danh đương thì.
Được ban ba dự phiền-cơ,
Chức liền lại-bộ khảo ti đanh-hành.

T´

DẸP LOẠN NHỎ

Tý-niên (1744), ngoại-đạo động binh,
Thanh-trì, Mỹ-lộc được lênh phủ-trừ.
Kíp chầy kì một tháng dư,
Việc rồi xử-trí kinh-sư lại về.
Khi lên nhiều kẻ yêu vì,
Đại-thần đình-cử đương khi ngự tiền.

Tiến triều được mệnh vừa lên,
Hình-khoa cấp-sự vọng lên triều đường.
Chúc tuy rằng nhỏ quyền sang,
Dân-dung, quốc-kế, vả đang trong ngoài.
Bính-dần (1746), tuyên-ủy chưa rồi,
Thiểm-sai trà-hộ tin bài đình-phố.

XỬ ÁN CÔNG-MINH

Tháng mười ngự-giá Tây du,
Bút rồng mật phiếu phó cho Thanh-trì.
Phân binh bảo-vệ kinh-kì,
Ngoài thì thúc-át, trong thì túc-thanh.
Lạ thay huyện THỨC đa-hành,
Cậy rằng có thế bà VANH nạt người.
Rượu chè hống-hách đòi nơi,
Phạm vào quân-sở chẳng nài sợ ai.
Đồn-binh bắt đánh tơi-bời,
Tớ thầy một lũ giam ngoài cửa quân.
Canh chầy mới thấy kinh-thân,
Nhủ rằng:((Hoạt-tạc xử-phân khó lòng.))
Nghĩ điều tiên chế ở trong,
Mới ra khu-xử cho xong sự-tình.
Đến ngày đại-giá hoàn kinh,
LUÂN-công là rằng khinh Đức Bà.
Khải vâng thấy phó ra ngoài (?), (ban ra)
Sai quan tra-xét: trực ta, khúc người.
Dù ai hiềm-giận mặc ai,
Xanh xanh nhờ đã có trời giám-lâm.
Hễ điều chẳng phải khôn cầm,
Nam-lâu lai tạ, xin nhầm thứ cho.

Tị-niên (1749), hai huyện thu tô,
Lãnh-đường, Trì-xá, ngã Ngu ba-tuần.
Ơn trên đã hậu lộc an,
Phụng công thủ pháp cấm ran mọi bề (điều).
Ngọ-niên (1750), khảo khóa trong triều,
Tên trên tiền thưởng giải lèo ba mươi.
Đông-thiên tây-giá lại dời,
Hai kỳ thủ điện, vâng lời nội nội ban.
Tân-vị (1741), xuân-trọng khải-hoàn,
Chức lên hiệu-úy, giặc tàn chấn công.
Vào đền lạy tạ sân rồng,
Vua ban tặng ấm sắc phong hai đời.

Phúc nhà, lộc nước, ơn trời,
Sửa-sang đất tổ, làm nơi đi về.
Nhâm-thân (1742),phụng thị giảng lề,
Vâng ban tiền thưởng rằng thì cần thân.
Dậu-niên (1743),trạch-các rửa (?) lần,
Thú vào điện-đối mười phân rõ mười.
Một nam xuất nhập tiền-tài,
Sổ bày thiếu đủ như lời chẳng ngoa.
Chúc tường bốn chữ ban ra,
Chú vào ngự-bạ để mà thẩm trong.

Thu-vi về tháng quí-đông,
Trưởng-nam được dự trúng cống ba ngày.
Tuất-niên (1744), mở hội rồng mây,
Khải vào ứng cử tên nay ba trường.
Vâng vào bái-tạ phủ-đường,
Đặc-ban nhất thứ chức sang đề-hình.
Tước trời hổ ít tước mình,

Tước trời hổ ít tước mình,
Bởi vì tu-tích công-trình ở trên.
Muốn cho báo đức quang tiền,
Từ-đường ngói gạch để truyền hậu lai.
Ruộng ao vườn đất quanh ngoài,
Đặt làm hương-hỏa muôn đời chẳng tan.
Việc trong gia-thất man-vàn,
Đã nơi nội-trợ lo-toan mặc lòng.
Một phòng lại đặt một phòng,
Vui-vầy thân-muội ở cùng hôm mai.
Hợi-niên (1755), ai khéo hiềm ai, 1755
Ấn trong Ngũ-phủ phải tại cả tòa. (536)
Mặc ai xuôi-ngược nghêu-ca, (kêu)
Hàn-lâm chức cũ thì ta lại ngồi.
Tí-niên (1756), hương-thí vừa rồi, 1756
Bốn trường con cả lọt vời thu-vi.

KINH-LÝ THANH-HOA

Sửu-niên (1757), có khải xin thi, 1757
Thanh-hoa trọng-địa sai đi khám-hành
Yên-trường, Thịnh-mỹ, Lam-kinh,
Công-đồng việc đoạn, hồi-trình đi ra.
Non non, núi núi, muôn tòa,
Vui xem đoái lại đã qua Non Mèo.
Bén danh dễ khiến lòng yêu,
Quốc-âm một thủ mượn điều du-sơn:
Thênh-thênh bờ kênh ~~mặtxmái~~ nổi một đèo.
Ngó xa phảng-phất tựa con mèo,
Từng xây phục hổ đầu xanh ngắt,
Đá sắp tiềm-hồ mặt mốc meo.

Bể Bắc ghê danh tan sóng ngạc,
Trời Nam được thế vững chân ngao.
Thanh-danh ấy mà giang-sơn ấy,
Non-nước nghìn thu kể xiết bao.
Canh chầy thuyền mới dỏ chèo,
Xa trông mèo lại hoàn mèo bờ kênh.
Tuần du mới đến Kinh-thành,
Khải vào xứng chữ sai-hành, Ngự khen.

BỔ ĐỐC-ĐỒNG SƠN-TÂY

Tháng năm, tháng sáu hạn liền,
Một phong lục sự ở trên trọng-dùng.
Hiềm vì kẻ ở trong cung,
Muốn vàng chẳng được, ra lòng bạc khinh.
Cuối năm suy huệ đề-hình,
Đi đi lại lại đường quanh thêm dài.
Tưởng khi hàn-tố trần-ai,
Nhớ ơn bà ngoại giùi-mài nên thân.
Kị tư qui-táng ân-cần,
Từ-đường thiết vị để gần khói-hương.
Mão-niên (1759), diện-đối ngọc-đường,
Thẳng bày đợi lỗi, lời càng thiết thay.
Tuy khen châu-chực lâu ngày,
Song lời chính-trực e rầy trái tai.

Nhân khi đặt các quan ngoài,
Tưởng rằng tọa cửu, dễ ai yêu-vì.
Một lời ao-ước phân-bì,
Đốc-đồng Tây-trấn tức-thì nghị kê.
Tuy trong chưa doãn như lề,
Song lời tán-khuyến đã kề bên tai.

Quả-nhiên đến rạng ngày mai,
~~Mây~~ Năm mây có chiếu nhậm ngoài truyền mau.
Thân-thần nghe lệnh vào chầu,
Mừng mừng sợ sợ dễ âu lòng vàng.
Mừng vì ngoại-trấn quyền sang,
Sợ vì nghìn dặm của vương cách vời(chừng).
Thôi thôi nội-thị đã từng,
Sắm-sanh phó nhậm đủ chưng mọi đồ.
Hành-nghi võng, giá, ngựa, dù,
Kẻ từ bái-tiễn, người đua tiếp-hành.

Hai ngày vừa đến trấn-doanh,
Công-đường thị sự, chư minh nghênh hầu.
Tra xem tình ý trước sau,
Lý thân các án lầu lầu quyết xong.
Nhân khi sẩy nhớ nhà thung,
Tự-tình một thủ tả lòng con-người:

Từ vâng phó nhậm cõi Tây-thành,
Khuya sớm lòng thân nặng ở mình.
Doanh liễu ngày trông trời một góc,
Nhà thung đêm tưởng nguyệt ba canh.
Chỉ ninh chi bẩm lời làm lẳng,
Định tỉnh hằng lo việc chửa đành.
Tại quận, tại triều dù xuất nhập,
Trung-thần hiếu-tử ấy là danh.

VỀ TRIỀU

Ngâm-nga đêm vắng ngày rồi,
Lòng về như giục nước xuôi ~~trong~~ giữa lòng.
Gặp ngày ít việc công-đồng,
Sắp trong thầy tớ điều cùng hồi gia.
Tuần du vâng mệnh truyền ra,
Sai quan thế nhậm cho ta về chầu.

Khen ai lấy của làm giầu,
Có vàng thì việc lại hầu hơn xưa.
Nghĩ mình mười tám năm thừa,
Việc trong cơ-mật sớm trưa đã dùng.
Sợ chi lại phải đèo-bòng,
Song nơi đã muốn phải cùng làm sao.
Tinh-kim một hốt đem vào,
Gửi rằng: ((Tâm-lễ, sự nào thì khoan.))

Hải-dương sai thí ~~xáx~~ quan tràng,
Trung-đoạn sung (xong) việc tái-hoàn Kinh-sư.

Việc quan Kim-lũ thượng-thư,
Vâng sai đốc-áp kể từ ~~xưa~~ sở chung.
Lộng quyền túc-giận nộicung,
Khải xin án-luật ngự trong quyết hành.
Trong ngoài nghe biết sự-tình,
Thêm nhiều kính-trọng nổi danh đương-thời.
Song trong thượng-ý chưa dời,
Lệ khi chuyển-động biết lời vào ra.
Đặt làm một khúc tề-gia,
Mừng trong khổn-chính kể đà túc-thanh.
Lời rằng: ((Thiên-hạ trị-bình,
Bởi nhà trước sửa nghi-hình thê-nhi.))
Đại-thần xem thấy yêu vì,
Truyền trong ca-tụng để khi động lòng.
Hay đâu duyên-nợ chưa xong,
Ra ngoài mấy tháng, vào trong mấy ngày.
Xu viêm nhân-thế xum-vầy,
Lòng ta đã quyết khôn lay được nào.
Thuận dòng sơn-thủy tiêu-dao,
Quá nơi Phượng-lĩnh mình vào yết lang.

Đôi hàng châu-lệ ngập-ngừng,
Tư thân một thủ mạc chưng ra thuyền:

Từ khi bái-yết dỏ chèo lan,
Quanh khúc tràng-giang quẩn khúc loan.
Trông đỉnh Phượng-sơn sa lệ ngọc,
Tưởng nhà huyên-thất chạnh niềm đan.
Ỷ môn xa cảm ơn cần-dục,
Trắc Dĩ khôn hay nẻo hỏi-han.
Hai chữ tình thâm non-nước ấy,
Dỗi truyền phúc-ấm kể muôn vàn.

Đường kia nỗi nọ thêm phiền,
Ngoại-từ sớm đã thượng tiên rước về.
Ba năm táng-tế y lề,
Một lòng hiếu kính chẳng nề cùng ai.

HOẠN-LỘ BẬP-BÊNH

Ngọ-niên (1762) thụ-tá xử ngoài, 1762
Vâng ra phó-nhậm khâm-sai thí-trường.
Vị-niên (1763), đối-diện phủ-đường, 1763
Kể-bày An-quảng dân hoang quan nhiều.
Tỉnh viên xin hết mọi điều,
Vâng lên chuẩn-phó phủ-liêu thi-hành.
Tuần-trung Ngự-chỉ rành-rành,
Khâm ban tham-chính lưu kinh thị triều.
Ba ngày lần đến hôm sau,
Sơn-tây cải-thụ chức đầu thừa-ti.
Tới năm Ất-dậu (1765) gần thi, 1765
Yết quan thụ-phủ Nhượng thì thị yêu.
Lời ngay thất ý cũng nhiều,
Lại thêm kẻ rái, đặt điều nói không

Bắt người rấp việc làm rông,
Song-le đường tối, dối cùng không nghe.
Đến ngày sắc-chỉ tống về,
Sảo-thông vâng lấy y lề tram ti.
Vì ai hèn-mọn chưa trừ,
Mấy thằng gia-khuyển vốn xưa bất-bằng.
Đặt thơ bài-khải lăng-nhăng,
Hợp phường học nói phất-đằng nói phao.
Bởi đâu công-điểm đòi vào,
Biếm ngay một thứ, chức cao bới quyền.
Lại thu lấy các ngoại-tiền,
Ba trăm dẫn nạp nào nên ích gì.
Mảng tin hàng xứ yêu vì,
Kẻ xin minh-đính, người thì tụngoan.
Nhủ thôi đừng có phàn-nàn,
Quốc-âm một thủ kể than sự mình:

Vốn giữ xưa sau một đạo ngay,
Nhầm dùng ra đụng nhậm cõi Sơn-tây.
Liêm bình những ví thì danh trước,
Tham-nhũng sao nên nỗi-nước nay.
Nhiều Sở ít Tề khôn kẻ biết,
Một yêu mười ghét dễ đâu hay.
Khen người gấp lửa b/an tay ấy,
Miệngchậu trôn quanh sự kíp thay.

TANG CHÚA TANH CHA TANG VỢ

Ghê thay nham-hiểm nhân-tình,
Bạc đen phó mặt đã xanh xanh trên đầu.
Tuần-hoàn lẽ chẳng bao lâu,
Nói vàn tội giảo, quấy nhau tội đồ.

Gẫm thay co-tạo khôn dò,
Xuất hồ nhỉ ắt phản hồ chẳng sai.
Sá chi thế-sự dông-dài
Thôi về định-tỉnh hôm mai yên lòng.
Tuất-niên (1766) tháng bảy tuần-trung,
Phụ-thân người đã mệnh chung ở nhà. (cha mất) 1766 (62t)
Sắm-sanh mọi việc gần-xa,
Đền on hết thảo thật là khó thay.
Mảng lo hiếu-sự đêm ngày,
Tin đâu quan Thụ rằng rày xa chơi.
Than ôi một phút nên rồi !
Của đời thì lại để đời tiếc chi.
Hợp tan sự thế không chia
Tháng giêng năm Hợi (1767), tin nghe động lòng: 1767 (63t)
Tiên-quân đã ngự tiên-cung, 鄭楹 mất
Hiếu trung đôi chữ không cùng vẹn đôi.
Qui lang, an thố việc rồi,
Nam-môn phủ-vị chính ngôi phủ-đường.
Ai ai đều đội on sang,
Ta còn ưu-sự nhiều đường chưa xong.
Vận niên đến tháng trọng-đông,
Gió đưa nhà chính non Bồng cách xa. (vợ cả mất)
Chẳng hay chếch-lệch đâu là,
Có sao tang-sự một nhà hai phen?
Thương thương tiếc tiếc thêm phiền,
Lo bề tang tế ba niên bốn tuồng.

CÁO HƯU

Việc rồi khải lạy phủ-đường,
Vâng ban thái-học đứng ngang hàng triều.

Sửu-niên (1769) suy huệ năm sau,
Chức thăng thừa-chỉ ở đầu Hàn-lâm.
Toán lần tuổi đã sáu năm (lăm),
Lệ vừa trí-sĩ, ngọc-âm doãn rày.
Hữu-công, Bá-tước ban ngay,
Tạ ơn thôi mới chọn ngày tuyền vinh.
Thái-kỳ, hạ-trướng triều-đình,
Năm Dần (1770) xuân-trọng ngày lành hồi hương.

Binh đinh đón rước chật đường,
Rỡ mình áo gấm, xuân càng thêm tươi.
Nghĩ rằng mười đã vẹn mười,
Hiềm vì chút chửa bỏ lời ước xưa.
Nhưng trong nhân-dục khôn vừa,
Chữ quang-hiển ấy cũng như đại tồn.

Say-sưa mùi đạo càng ngon,
Xôi kinh nấu sử cháu con học-hành.
Vui-vầy một hội kỳ-anh,
Kính đưa trướng hạ thịnh vinh trong nhà.
Mừng vì sang lấy chọn già,
Cốn thì nối dấu, cháu đà in khuôn.
Nghĩ trong mọi sự vuông tròn,
Nhớ lời kẻ trước lòng còn chưa cam.
Ví dù nghe nói đưa hàm,
Tới trăm năm nữa kể làm chi đâu.
Tháng qua, ngày lọn, đêm thâu,
Một mình vò-võ biết hầu sao nên.
Biết đâu xui-khiến bằng nguyền,
Một nhà lại được kết duyên một nhà.
Trước là lời chẳng sai-ngoa,
Sau là dưỡng-dục cũng là bõ công.

Vả thêm thú-thất ở cùng,
Đến khi tuổi-tác kể trong ruột rà. ~~Mộtxđềuxgồmxđược h~~
Một đều gồm được hai ba,
Tự-nhiên ai dễ biết xa liệu gần.

ĂN MỪNG THẤT THẬP

Trước sau trọn vẹn muôn phần,
Bước lần cõi thọ đã tuần bảy mươi.
Tháng Thìn, năm Ngọ (1774), giờ Mùi,
Lễ bày thượng-thọ, tiệc mời mời khuyên.
Thân-bằng làng nước dưới trên,
Kẻ dâng thơ chúc, người in chữ mừng.
Chúc rằng: ((Tang xiển thọ trưng.))
Mừng rằng:((Tuổi hạc sánh bằng non cao.))
Tháng ngày son thủy tiêu-giao,
Cơm nhà, rượu chợ, cá ao, rau vườn.
Lọ cầu Bồng-đảo xa miền,
Nhàn-trung vô sự là tiên ở đời.))

Hoàng Lê Cảnh-hưng năm thứ 38
(1777) tháng trọng-thu (8), ngày
tốt.

TÂU HẶC BÀ CHÍNH-PHI

Tôi mạo tội giải bày, mong bề trên soi xét.

Trộm nghe rằng kinh Thi nói:''Hình vu quả-thê, nhi hậu khả dĩ ngự vu bang-gia'' nghĩa là làm tội vợ ta, mới có thể răn được người trong nước. Ấy là vì người xưa hiểu rằng muốn trị nước, bình thiên-hạ, thì trước phải tề gia đã. Chưa từng có chuyện nhà chưa tề, mà trị được nước.

Tôi thấy rằng từ khi Thánh-thượng lên ngôi đến nay, trong thì sửa chính, ngoài thì dẹp giặc. Những việc trị-bình đã lần-lượt làm, mà một việc tề gia, thì trộm nghĩ rằng chưa có.

Vả chăng, phụ-nhân phải lấy sự thuận tòng làm đức lệnh. Từ khi được đội ơn Thánh-thượng dự bực chính-phi, bà đã lộng quyền, can chính. Đã không biết thuận tòng, mà lại còn nhiều lần chỉ-xích Thánh-thượng. Nói ra thì không dè lời khiêm-tốn. Không phải một lần mà thôi, mà đã nhiều bận rồi. Thậm chí, nay lại có lời nói Thánh-thượng ''Mặt bì bì ả'' và ''Lễ buồn'' () Đến kẻ ngu phu, ngu phụ còn chưa giám bất-kính như thế, huống chi là một bực vương-phi. Kẻ già người trẻ, ai nghe chẳng cho là ghét.

Tôi đã xét kỹ điều-luật, thấy: phàm lời lẽ chỉ-xích có làm hại lắm thì phải kết tội chết; nếu chỉ lỡ miệng nói bậy mà chưa làm hại lắm thì kết tội đồ. Nay chính-phi ở nội-cung đã phạm điều luật ấy, hai ba tháng đã qua, mà chưa được thấy định khép tội nào. Những nghe rằng chưa có lời ai hặc Chính-phi, thì quyền ở Chính-phi, mà phép nước, rút cuộc không thể thi-hành được. Vậy

~~Kấy~~ lấy gì để trị thiên-hạ.

Tôi xin Thánh-thượng dứt mối tư-tình, tham dụng phép quân, bố cáo cho trong ngoài rõ. Theo tội ấy tội ấy, thì nên giáng thứ-vị, an-trí biệt cung, chiếu lệ phát lương, cất hết quyền lộc. ~~Khiến~~ Khiến bà nghe phải sợ, đổi hết lòng trái. Sau mới cải quá tự tân, bỏ thói thường cũ. Như thế thì có thể dần dần cất về ngôi cũ, cũng chưa lấy gì lầm hại.

Làm như thế thì trên không làm hại đến ơn, dưới không bỏ phép-luật. Hai bên đều ổn cả.

Tôi trộm dự chức nho-thần, đội quốc lộc đã ~~dày~~ dày. Nghe chuyện này, lòng đau lắm lắm. Cho nên mạo tội ~~gi~~ dãi-bày. Kính mong Đại-đức cao thông, thương tình xét đến, quyết định thi-hành, để hợp lòng thần dân trong ngoài mong đợi.

Cẩn khải.

Mở xem Tề Trị một chương,
Mới hay cung-khổn là đường thú-dân.
Chữ rằng:''Hưng-nhượng, hưng-nhân'',
Ấy đều lấy phép tự gần mà xa.

Trước tề gia, sau thì trị quốc, ân-ái
Chi lý rằng nguồn đục dòng sông (Trong). iết
Kể ai dật dục lầm ~~xix~~ lòng,
Mảng say nữ-sắc chẳng dùng lời can.
Trong cung nuông(thói) gió nồng-nàn,
Dữ gây nhàn mệnh, họ tàn sinh-linh
Thu-kê nọ cũng thì danh,
Ngôi trời chiếm lấy một mình trái ngang.
Ví chang mọi tướng nam vua (vương),
Nào ai còn biết Hán Đường là đâu.
Dạn đời sau tiền-xa còn để,
Giống khuynh thành chớ nể làm chi.
Ghê cho phận gái gặp thì,
Sang yêu những cậy xướng-tùy thoảng không.
Ơn trên trộm dự chính-cung,
Chẳng hay tứ đứctam tòng làm sao.
Bao nhiêu quí-hóa tiên triều,
Ngần ra phát mại, ngần vào làm tư.
Lại lời môi miệng thánh-từ,
Kể bề hiếu-nghĩa chất dư nghìn trùng.
Ấy quan thu nầy thì cù-mộc,
Trong cung-tần mẫn-móc chẳng tha.
Tiền lương tiền áo phô bà,
Riêng thu lấy hết để mà chúa-chung.

Khắp quan văn vũ triều-trung,
Có vàng mới được vào trong ra ngoài.
Thị-thần tiểu quét nội sai,
Xuất thân dễ quản nào ai có từ.
Xem đã lấy dư làm mĩ-đức,
Bề thuận tòng chầu-chực càng ghê.
Ghen tuông cấm đoán mọi bề,
Mấy lầm lỗi miệng nào e chút nào.
Rộng dong làm chẳng sá sao,
Cho nên quen thói nhong rao chẳng từ.
Nầy mừng minh-đức rạng giơ,
Bụi trần chi giám chút nhơ gương trời.
Càn-cương uy đoán chẳng dời,
Hậu-cung an-trí cách vời nội-cung.
Nào khi được thế chuyên phòng,
Bây giờ một góc một phòng thế đâu.
Nào khi bồ-cạnh ra vào,
Bây giờ cửa khép đường rào khôn thông.

Cung-đình rày đã túc-ung,
Cội cù dây cát dầu lòng tựa nương.
Giúp trong sẵn đức Nhâm Khương,
Chẳng còn bòn đãi bạc vàng làm chi.
(Ai)Khắp trong ngoài cung-phi,thần-thứ,
~~Thần-thứ~~ Đều mừng rằng tật khứ quốc long.
Kìa ai lấy tín làm trung,
Đạt thơ làm nói rông nói càn.
Nọ làm quan vốn sang cả họ,
Cũng thảo tờ đạt bủa lang-nhang.
Aó dày cơm nặng ai bằng,
Chẳng rằng vì nước nhưng rằng vì thân.

Rấp thời lại trấn ba lần,
Song tống phép nước lòng dân đời đời.
(Nào) Kể chi những đứng tham hào,
Còn nhiều giả tin vào tin ra.
Vả rằng đương việc quốc-gia,
Đem lòng mưu-mãnh giải hòa sao nên.
Học đâu là đạo thánh hiền,
Tề gia hai chữ mà đen sì sì.
Chí công-danh phải nhẫn vì,
Ich thân là sự biết gì sự quân.
Chẳng hay kê luộc mấy lần,
Xôn-xao miệng thế toan vần nói rông.
Rày mừng thánh-đức cao thông,
Hiền-thần giáp-phụ cùng lòng sửa-sang.
Trong triều mấy đứng khuê-chương,
Dốc lòng ưu-ái, chẳng màng lợi-danh.
Chữ trung, chữ nịnh rành rành,
Lọ giờ phân biệt Vĩ Kinh hai dòng.
Mối-manh cất đặt đã xong,
Tề gia ắt thấy nên công trị-bình.
Đâu đâu đều hưởng phúc lành,
Mừng rằng khổn-chính túc thanh làu làu.
Nền vương ức vạn dõi sau,
Tề gia xin lấy làm đầu trị dân.

Phú TRANG KHUONG ĐÁI VĨ

Nguyễn CHUNG, làm năm Gia-long 1802

Nguyệt đưa đón nguyệt, hoa dẫy-dun hoa.

Mở quyển Uc-phong một quyển, khen bà Khương thị đàn bà.

Bẻn-lẽn một lòng, đưa Đái Vĩ để dài niềm ~~thân-ái~~ thân-ái; ngâm-nga đòi đoạn, gẫm thi-chương mà biết tính ôn hòa.

Nhớ xưa/ bà Trang Khương: Mềm-mãi giá lành; rườm rà bóng cả.

Ang trâm-thân từng sánh chốn cao xa; buồng phấn-đại kể đòi phen kịp dã (?)

Cưu gió dữ, chẳng kia bao nỡ, bãi Trà-điền nên phút lọt mũi gian; Xót phận thơ, ả nọ ruổi về, miền cố-quốc bỗng sớm ràng gác giá.

Chưng khi ấy: Khoan khoan gót ngọc, rén rén lòng quì.

Người bồ-liệu gió mềm bồ liễu, áng cung-vi từ chốn cung-vi.

Bưng chừng kia con én éo-le, tiếng cao thấp dễ xui lòng cảm-hứng; diễn nẻo nọ bắc nam đưa-đón, đường xa-xăm thêm chạnh nỗi biệt-li.

Thủa ấy, má phấn ủ-ê, niềm đan thúc-mác.

Lòng quạn lòng vò-võ kẻ về đô; mặt tủi mặt lâm-râm người Trần-quốc.

Đau-đớn nhẽ dặm hòe lả-chả, nẻo can-tương đà ngao-ngán lòng vàng; ngậm-ngùi thay bóng liễu thướt-tha, con dựng-lập lại nhuốm thâu dọt ngọc.

Ay trông mong đêm nọ âu-sầu, vì tiễn-tống lòng kia trằn-trọc.

Hỡi ôi! Cung-khổn rất nghiêm là thế ấy; công-hầu sính kế há dễ đâu.

Kìa Đái Vi là dụng-thiếp, mà Trang-thị là phu-nhân, duyên củ cát đã rành rành phen gác r̂ rộng; nọ Trang-công là tiên-quân, mà Hoàn-công là kỷ-tử, tiếng cu-hành từng thẳm-thẳm chốn lầu cao. ấn ì

Thả phụ-nhân tống bất xuất môn, ấy là lễ cang-cang đã dạy; nay Trang-thị tống chi vu dã, chẳng hay tình khấn-khấn dường sao.

Chỉn ấy: ân-ái một nhà, gần xa đôi hác.

Gẫm thêm buồm tủ-các duyên phai, nghĩ càng xảx ay tủi hồng-nhan phận bạc.

Trước cảm nỗi minh-linh nghĩa cũ, đứa đrở về một phút khéo nên rời; sau nhớ chiều uyên-thục nế nết lành, người mĩ-đức mấy lời còn ghi tạc.

Vậy nhân thủa đại-qui mà tiễn-tống cho đành; tỏ chút lòng tương-dữ vốn xưa nay chẳng khác.

Lành thay bà Trang Khương! Nết-na dượm-dẽ, Lời-lẽ dịu-càng (dàng).

Chính-tính vốn là khiêm thục, tư-tình há phải dạ thường.

Kìa lênh-đênh thuyền bách trong dòng, lòng phỉ-thạch đã không chiều lay nhổ, nọ nựng-đựng xe loan ngoài nội, nghĩa tương-thân từng chạnh nỗi nhớ thương.

Xem thơ ấy đưa nàng Đái Vĩ, biết hiền thay khen khen ả Trang Khương.

Than ôi, lều (rêu) quạnh đền Trang, sao dời nước Vệ.

Thơ chép ghi vạc vạc dường gương; nhẽ phải

chẳng hãy rành-rành như vẽ.

Xem thấy chữ vu-qui mà ngán phận, lênh-đênh nàng Đái Vĩ biết (bao) nài; đọc đến câu viễn-tống khéo chạnh lòng, lời gắn-bó bà Trang Khương khôn xiết kể.

Đến nay gẫm phụ-nhân đường ấy, mà từ-khí đường nầy; biết rằng công ông Khang-Thúc, đức vua Tiên-vương. Cho nên Bội-phong là đầu biến-phong, mà lại có bà Trang Khương tống nường Đái Vĩ.

Ông Nguyễn Chung là cháu ruột ông Nguyễn Đình-Kỳ, sinh vào năm Cảnh-hưng Ất-hợi (1765), đậu hương-cống cùng anh đồng khoa. Lúc vua Chiêu-thống lên ngôi, có dự-thí chế-khoa. Đời Tây-sơn trốn tránh ở vùng Kim-bảng, Thượng-phúc, làm nghề dạy học. Năm 1804, tổng-trấn Bắc-thành Lê Văn-Chất mời làm đốc-học Sơn-tây, sau đổi tới trấn Sơn-nam-hạ. Lại được bổ tri-phủ. Đến năm Minh-mệnh thứ 6 (1825) mất.

Có chép lại thân-sử một cách tường-tận Trong đó có kể nhiều chuyện rõ về đời Gia-long và đầu Minh-mệnh. Nhất là lúc vua Minh-mệnh ra Bắc thụ phong.

Xem AB 1889 , tr 57- tr 95

TRẦN-NGÔN CA

陳言歌

Bài này phiên âm theo một bản nôm mà thư viện ĐPBC mới sao lại. Bản chính không có nữa.

Số ở thư viện ĐPBC là

AB 3

và đóng sau bài 正氣歌.

(sau đây có để ở bên phải số trang ở tờ bản ấy)

Ngồi rồi cầm bút chép chơi
Kẻ quê gọi ~~thiết~~ một 説 hai lời nôm na 設→汶(?)
Nhà vua trường trị quốc gia
Bốn phương phẳng lặng âu ca thái bình
Đâu đâu hải yến hà thanh 海晏河清
Muôn dân cũng phục thánh minh trời
Để Kinh Khang thái thuận thì
Chẳng qua trở hạn 阻限 biên thùy mà thôi
Nhớ Tự(?) hoàng đế lên ngôi
Mậu thân (1848) kỷ hiệu thay trời trị dân
Thất niên (1854) vừa đến Giáp dần
Loạn ra Châu chấu đã gian(?) 閒→澗 ở ngoài
Cho nên đã hại điền-hoà 田禾
Mười phần tổn bảy, còn ba thu về
Ai ai cũng lấy làm kỳ
Nước non như lại nay thì một phen
Sao Tua 順 đâu lại ứng điềm
Đến năm Nhâm tuất (1862) tự nhiên khởi loạn.
Trước còn ở tỉnh Hải-dương
Thằng ANH 英 độ ước tiếm tàng dụng binh
Cũng là chúa hoạ lê minh 主禍黎明
Ở ngoài cửa bể tập-tành đã lâu

Thiết quan, phân chức, phong hầu
Hội đồng chư tướng thuyền tàu kéo ra
Giữa ngày tiết đến tháng ba
Hạ thành phủ Kiến 建 vây hoà lấy tiên [illegible]
Thừa cơ tướng mạnh quân bền
Phá đồn hạ phủ vượt lên đùng đùng
Thuyền tàu lên đóng tỉnh Đông
CAI VÀNG tỉnh Bắc cộng đồng binh ra
Binh cờ vô số hằng hà
Phong làm nguyên soái ai hoà giám đang
Quyền lên phân phái các quan
Binh oai từ đấy sấm ran ([illegible]) trong ngoài
Còn như các tướng ở Đoài
Cũng là Bắc 北寧 nghe hơi nức lòng
Vũng về Anh gọi Nam-công 南公
Hiệu xưng Thái-nghĩa 太義 sắc phong ấn ngà
Đâu đâu các tướng đều ra
Anh thì chính-thống, anh thì tham-tri
Cũng là thượng-tướng chỉ-huy
Lĩnh-binh tham tán, cũng thì tiền-oai 前威

Trống đồng cờ mở trong ngoài
Ai ai cũng muốn đua tài lấy công
Kéo lên hạ phủ Đoan-hùng 端雄
Sang đầu tháng sáu hạ xong tức thì
Đua nhau chư tướng kéo về
Hạ Lâm thao phủ 臨洮 vây thì thêm uy.
Có anh Cả Điện 奇奠 gian phi
Xưng là chính thống hiệu thì Hoàng giang 黃江
Kéo lên vây tỉnh Tuyên quang
Cùng quân Bảo lạc 堡樂 ra ran bốn bề
Trong thành quan cũng trung nghi
Bởi chưng thực tận, binh bì 疲, thế cô.
Triều đình chẳng tiếp quân cho
Đến ngày tháng chín vậy nên long thành
Thừa cơ Cả Điện đắc danh
Trở về tổng gạo, lập doanh ở nhà
Quyền cao, vọng thắm, ngáng ngã
Ai ai cũng gọi tên là hầu quân
Tổng lương, tổng lính các dân
Nghĩ rằng đã có tân quân đâu là!

Đến sau về cánh Tuần-ba
Về bên Thái-nghĩa bắt hoà Hoàng giang
Quản Niệm 粘 tài-cán đảm-đang
Phân binh các đạo các đàng đã ran
Kéo về Nam đẩu 南斗 phá tan
Hậu quân thất tán tìm phương ẩn-hình
Quản Niệm lại giữ phủ-thành
Tổng lương, tổng lính, dân-tình khổ sao.
Lại đòi tổng lý hương hào
Làm cho khốn hại để chiêu (triệu 招) bạc ~~vàng~~ tiền

Đến năm Quí ~~dậu~~ hợi (1863) xuân nguyên
Quan Triều thuỷ bộ tướng thuyền tiến lên
Đoan-hùng cho đến tỉnh Tuyên
Phỉ đồ các tướng trận-tiền tháo lui
Các quan thu phục thành rồi
Nhân dân lạc nghiệp trong ngoài an-cư
Đến năm Giáp tý (1864) an-thư 安舒
Tuy rằng gạo kém còn vừa chưa chi
Đến năm Ất sửu (1865) gian-nguy
青黄不接 Thanh-hoàng bất tiếp chi kỳ khốn sao
Nhân dân cơ-cận biết bao
Mãi điều lính nợ, lời giao nhà giàu

Ít mua, bớt bán nào cầu
Hai tiền bát gạo hoạ đâu làm vừa
Thế-gian thấy lời thì ưa
Nghĩ chi bần phú tương tư 相資 nhau liền
Bính dần Đinh-mão Mậu thìn (1866-68)
Ba năm ấy đã dân yên vui lòng
Đến năm Kỷ-tị (1869) miền-trung
Bỗng đâu giặc Khách đùng đùng nổi lên
Cao-bằng, thành Lạng, Thái-nguyên
Phá tan lại tràn 瀾 đất Tuyên, đất Đoài.
4a Nghịch-hùng chẳng sợ oai trời
Đến đâu đánh phá bắt người hại thay
Kẻ giàu, kẻ khó nào hay (台→咍)
Hễ là có bạc chuộc rày mới tha
Mồng mười tháng sáu kéo ra (1869)
Đóng làng Bạch-hạc, 白鶴 ai là chẳng kinh
Có quan Đồng-vệ 同衛 đắc danh
Đã ơn phẩm-tước triều-đình ban cho
Chính-danh mỹ-tự Cai Đồ 該徒
Cũng là quan quản Mộ-châu 慕州, hội-đồng
Tưởng rằng bắt sống ấy không
Chẳng thì giặc cũng trong sông chẳng hoà

Trước thì công lộc quốc-gia
Sau thì lợi-lộc biết là bao nhiêu
Phân binh các đạo cùng theo
Ba bề nổi lính cũng đều ra uy
Nào ngờ giặc Khách cũng ghê
Lừa cho áp mục theo (綨) bắn ra
Có anh hiệp Mỹ 協美 người nhà
Bỗng đâu phải đạn vậy hoà đổ binh
Rút về Đồng-vệ thủ dinh
Giặc thì mạo giảo, dân-tình mặc dầu
Chính-uy xuất thú hàng thần
Lập tâm hư thực, nguỵ chân chẳng lành
Bằng quan thượng 上 phóng cho mình
Có tiễu Thanh-phỉ 清匪 chân-tình mới hay
Bằng đâu chiêu-phủ lính ngay
Phỏng thông với Khách làm rày cũng nên
Sang hầu giặc Khách chẳng nhìn
Vô-tình hứa bắc-quan liền cấp cho
Nào ngờ nó chấp hàm thù
Buộc nhà lý Bính 里丙 tô hô 蘇呼 một mình

(1869)

Có anh quân Áo 襖 thân tình
Cùng loài trộm cướp động lòng xót xa
Bạc năm sáu yến của nhà
Thông vào với Khách vậy hoà chuộc xong
Bấy lâu như điểu thương cung
Như ngư thoát võng, ơn lòng anh em
Lại về thủ hiểm nâng yên 能安
Cũng đằng thâu-thiết 偷窃 một miền dung thân
Có quan Tiễu-phủ 剿撫 đại-thần
KHIÊM 謙 là mỹ-tự, vũ văn gồm tài 翁益謙
Bấy binh thẳng tới tận nơi
Liên thanh đại bác như trời sấm ran (石訇)
Uy ta phách lạc, hồn tan
Trước sau chỉ vị linh thông nhau nhìn
Đến sau lại thấy Thanh biền 清弁
Có quan Phùng súy 馮帥 cầm quyền đại nhân 馮子材
5b Quan Ngô 吴, quan Đặng 党, quan Trần 陳
Ở bên Bắc-can quân sang ngày rày
Khâm thừa Thượng-mệnh bấy nay
Tiễu trừ Thanh phỉ ở rày Việt-nam

Triều lên đến đất Tuyên quang
Đóng đồn Tùng bách 松柏, Hà giang 河陽 Ninh hồ 寧湖
Nhân gian ai chẳng hồ đồ
Thấy sao hay vậy biết cơ-cuộc nào
Nghĩ rằng đã có quan triều
Ngu-dân ai biết thấp-cao là gì
Dân nhân chịu khổ một bề
Đã lo về giặc, lại thì đài lương
Đi thì lặn suối trèo non
Khổ thì chịu khổ giám còn kêu ca (ai?)
Thật là khổ-nhục dân trai
Kẻ thì một thứ, kẻ hai ba lần
Canh ngọ (1870) vừa biết tháng năm
Thấy quan Phùng soái đại-nhân rút về
Thanh-biên binh mã phải tray
Tuần-hành thủy-bộ kéo về Bắc ninh
Giặc thì vắng ngắt vắng tanh
Nhân dân lạc-nghiệp, nông thương điều hòa
Nay này ở phủ ở nhà
Biết đâu biệt-hạt phương xa mà bàn

Đến năm Tân vị (1871) xuân sang
Bỗng liền lại thấy giặc ran tung-hoành
Tháng hai phá phủ Yên bình 安平
Đoan-hùng tiếp-giáp, dân tình cũng lo
Lập lên tổng điếm tuần giò
Đêm canh cẩn thận, ngày do 由 chuyên cần
Mồng hai tháng sáu giờ dần
Giặc về phá-đốt, quân dân kinh-hoàng
6b Điếm đồn giặc đã phá tan
Kéo về đóng tạm Hùng-quan 雄關 tức thì
Cũng là phá tổng Thượng Khê 上溪
Trâu bò của cải vậy thì biết bao
Dân-tình thảm-hại làm sao
Giặc tong nửa tháng quan nào thấy đâu
Phủ Hĩ gần đó xa đâu
Kinh thân bái bẩm 經申拜稟 mới đâu mà thôi
Quan hùng thì có làm sai
Cùng anh điều-bát 調扒 là người Thủ đính 首
Quan sai lên phủ Phả-Thanh
Dốc lòng chí lập công danh với Trời.

Sai anh Điều-bắt-nội-đạo 内刀
Đem quân thù-tử 殊死 quyết vào đánh tan
Kéo lên đến đất Hùng-quan
Nào ngờ giặc Khách mưu gian cũng già
7a Trong đình Đông-tiệm 東漸 kéo ra
Bên đường ấy hậu súng đã phát lên
Anh Điều một phát ngã liền
Tức thì chạy tán về bên phương Đoài
Đâu đâu giặc vẫn trong ngoài
Lại lên tại núi bắt người, hại sao!
Dân tình ai chẳng tiêu hao
Đêm ngày mong-mỏi thấy nào quan-quân
Đành lòng dân lại lo dần
Phải sao chịu vậy chỉ mong nhờ trời.
Đến ngày mười bảy giặc lui
Kéo lên phố Cát 吉 bắt người cần đi
Kẻ thì trốn tránh được về
Kẻ thì phải chịu gian nguy lắm vậy
Tiềm binh nghe đã hay hay
Nhân dân xum họp cấy cày làm ăn
7b Bỗng liền lại đến Nhâm Thân 壬申 (1872)
Giặc tự tam nguyệt hạ-tuần khởi ra.

Kể về hai giải <u>Bắc hà</u> 北河
Khách cùng Thổ-mán biết là bao nhiêu
Đêm ngày mong mỏi quan triều
Giặc sao chẳng đánh, nở liều dân đen (朮斗 = 朮斗)
Gian hùng thì có Quản <u>Niêm</u>
Với năm Thập ngũ là người thủ-đinh 首丁
Đốc lòng chí lập công-danh
Nào ngờ bạc-mệnh nay mình đã xa
Quan thì phong tiết Ngã ba
Cùng chùa Quả 菓壇, cũng là Soi Dê 擂羝
Giặc thì đóng cạnh gần kề
Tây Hùng 西雄 hai huyện vậy thì ~~ít~~ thiếu đâu
Dân tình ai chẳng lo âu
Giặc thì Tháo nã 摷拏 trước sau đêm ngày
8a Trâu bò tai hoạ không tay
Những lo trong dạ biết ngày nào yên
Kẻ thì chạy ở tỉnh Tuyên
Người thì ở núi, kẻ huyện chạy xuôi
Kinh hoàng tán-tán các nơi
Dần dần đến tháng mười mới yên.

Có quan tổng-đốc Hoàng quyền
Phân binh lên đóng <u>Phù-Khiên</u> 扶軒 làng ngoài
Thông đồng buôn bán ngược xuôi
Nhân dân đâu đó tái hồi làm ~~dân~~ dân

Đến sau quan lớn đại-thần
Khâm thừa 欽承 thiên-tử đem quân ra rày
Tiến lên Gián-liệt 諫烈 bằng nay
Thủy-thuyền vô số, bộ rày sáu voi
Đến đâu đã rạp góc trời
Cờ như bươm bướm, trống rao 噪 đã ran
8L Kéo lên đóng tỉnh Tuyên quang
Lập đồn Phong-nẫm 豐稔 Hương mang 香芒 biệt phủ
Cũng là Đinh-dị 丁異 Tứ-trụng 四中
Phầu binh các đẳng biệt phòng triệt bao
Dân tình nghĩ đã mừng sao
Quan-quân là thế, giặc nào chẳng tan
Tưởng rằng giặc có vào hang
Chẳng thì phải liệu tìm đường lên mây!
Ai ngờ lại đến thế này
Đến năm Quí dậu (1873) vừa đầu tháng giêng 1873
Đùng đùng giặc lại nổi lên
Các đồn Thượng-đạo đất Tuyên phá rồi
Ngày năm vừa biết tháng hai
Thừa cơ giặc lại về Đoài đã ran
Làng Ngoại đồn rút về Quang 光
Lũy rào đổ 堵 thấp, rõ ràng hồi-tanh

9a Giặc đã vùng-vẫy tung hoành
Quan thì Kiên thủ 堅守 lấy thành Phủ Đoan
Còn như hai giải Trôi-giang 溜江
Giặc thì đã 垃 các làng thiêu đâu
Dân tình hoảng hốt lo âu
Kẻ ra ở phủ, người thì tháo xuôi
Đành ở trú-ngụ các nơi
Ai ai là chẳng ngậm-ngùi thở-than
Những là binh-cách cơ-hàn
Bao nhiêu khổ tận kíp (&) đang cam lai
Thắng trí, quan lớn bài-sai 排差
Lệnh truyền các đội chọn tài kén quân
Đông Thành 東城 hai đội chiến-đâm
Cùng là quan Đốc Vũ-Thân đem quân
Cùng vào đánh 捽 Cá-đình 歌亭
Chưa làm hai mặt uy-linh cũng già
9b Kiều đồn giặc vẫn không ra
Ở trong thủ-hiểm, súng ra phát rào
Ngoài thì quan Đốc cầm quân
Chẳng cứu bạc-mệnh qui thần 駁神 xa chơi
Tức thì quan lại phải lui
Rút về đóng phủ, trong ngoài các dinh

Thừa cơ giặc lại tung-hoành
Đóng bến ở 梓 Ca-đình thành thang
Vây vùng hai giải trời-giang
Phá tan đã khắp, lại sang Bắc-hà
Thanh-ba 清波 cho đến Hạ hoà 夏和
Đến đâu hại đấy thật là khổ sao
Dân tình ai thấy chẳng nao
Ví như Hạng Vũ xưa vào Tần cung 項羽 秦宮
Tru-di thiêu phá A-phòng 阿房
Bây giờ giặc khách cũng không khác gì
10a Hao tài tốn của dân lê 黎
Bắt người cơ-đảm 擡担 vận về đất Tuyên
Đại đồn Phố Cát đóng bên
Cả đâu điều độ lại liền tìm đi
Trung-thu mồng bảy bất kỳ
Kéo về Hà thạch 河石 Sơn-vi 山圍 kẻ Đông 洞
Gia-my đốt phá đùng đùng
Cũng làng Ngọc tháp 玉塔 sạch không của nhà
Bồ hay con trẻ đàn bà
Hãi hùng chẳng biết dò la đường nào
Bàng hoàng nhảy xuống sông Thao 洮
Kẻ Huyện, người lội ào ào như mưa.

Sông to chưa kịp đến bờ
Thuyền đầy sông vô số sa cơ cũng nhiều
Tức thì đi báo quan Triều
Phủ Lâm 臨 phân phái cũng đều kéo lên.
10b Ba bề voi ngựa dưới trên (連 → 達)
Giao-công đấu chiến tận triều gia tay
Giặc xem triều chính 正 mạnh thay
Trung đem lại kéo sang rày Phù-ninh 扶寧
Huyện quan dân xã võ linh
Mông mười thấy bỗng tung hoành kéo lên
Da-hương 耶香, Thanh thúy 青翠, Trung hoàng 中黄
Phất phơ cờ trắng cờ vàng biết bao.
Kinh thân 经中 quan huyện kéo vào
Một trăm tráng dũng giáo sào nghênh-ngang
Chẳng đi thì sợ phép quan
Đi thì ngữ sạng, tâm can đã chồn ([illegible])
Tặc ra phá 棒 Hằng-thôn 恒村
Quan truyền nổi hiệu súng dồn ([illegible]) phát lên
Tạ chi tráng dũng thay phiên
Quí hồ đủ lệ lấy tiền sao dân

11a Tùng binh đâu có tập rèn
Mặt trông thấy giặc chỉ phần tháo lui
Giặc Hồ thừa thế theo đuổi
Chạy về cổng huyện không người mở cho
Quan-quân dân xã chạy về
Chạy ra đến bến gọi đò đã ran
Quân Hồ ~~cả~~ tẩu tán kinh-hoàng
Quan Hồ sang đóng ở làng Bạch-hạc 白鶴
Nhân dân kẻ khó người giàu
Cấu binh nam-tử nghĩ đâu gia-tài
Bây giờ ai cũng như ai [illegible]
Ầm ầm phá chạy mọi người tay không
Chạy ra đã chật bến sông
Kẻ Hồ thuyền đón người không chạy quàng
Huyện thành phường phố tan hoang
Kẻ hai, làng Vĩnh, Phù-nham, làng Quỳnh
11b Thảy đều thảm hại dân-tình
Cơ đồ mặc điện 墨奠 của khinh người thường
Tìm đi trú-trấp tha-phương
Cử binh, tị loạn liều được tế thân 濟身
Đến sau vẫn-vũ triều-thần
Cùng Lưu Vĩnh Phúc 劉永福 kinh luân kiêm tài

Thông đồng nam bắc hoà hài 和諧
Phong vân trước cũng là người Tuyên quang
Chiêu binh Bắc quốc đem sang
Đồng tâm tận lực ~~mà~~ với quan triều đình
Mồng năm tháng chín bình-minh
Đánh vào Thu-phục 秋復 huyện thành đã yên
Giặc thì tẩu tán hai bên
Nửa sang Lập thạch 立石, nửa lên Đoan hùng (端雄),
Thanh biên thắng thế hành hung
Theo sang núi Độc 獨 oai hùng đánh tan
12a Bắt tù đem nộp các quan
Trâu bò bảy chục lại can về Hùng 雄.
Còn như toán ngược Đoan-hùng
Quân thì bị tích (跡.), lương không có gì
Tướng minh sang phá Sơi-Đê
Giữa ngày mười sáu bất kỳ ai hay
Vân dũ 雲岫 xum họp cây cây
Lại thêm tai hại 雨害, Khốn thay nhiều bề
Giặc thì đã khắp bốn bề
Lộ-đồ ủng-tắc biết đi đàng nào

Nhi đồng phụ nữ xôn xao 豪牢
Kẻ thuyền người bộ kêu gào đã ran (號)
Còn như hai giải Trôi-giang
Giặc vào các trại các làng đâu không
Lại về ở phố Đại-đồng 大同
Thường Hướng lại vâng Tây Hùng đổi phen.
12b Trọng-đông 仲冬 mồng sáu ứng điềm
Bỗng không dân xã tự nhiên hãi hùng
Phủ thành cho đến bến sông
Thuyền bè đâu đó đùng đùng rút xuôi
Quản Chu, Thắng, Thuận ba người 周勝順
Tinh binh khí giới cũng tài kéo lên
Thừa cơ đắc chí tạm quyền
Tứ tham đã nặng bỏ thuyền lại xuôi
Chia nhau tài vật trong ngoài
Dở quan, dở giặc, nào ai biết tình
Tỉnh quan thịnh-nộ lôi đình
Bài sai 牌差 thuỷ bộ tinh binh một nghìn
Kéo lên đóng phủ Yên-bình
Đến chiều mười tám giặc Tuyên kéo về
Tỉnh-hành thuỷ bộ uy-nghi
Kéo về đã chặt Thanh-trì 清池 Phủ Đoan

13a Xui vào xuất thú lai hàng
Nào ngờ giả trá khôn ngoan cũng tài
Bất công 不攻 tự phá trong ngoài
Quan thì mắc hãm hết bài nói khôn
Đắng ngon miệng ngậm bồ-hòn
Bình-thư áp lại chịu non gỡ mình
Truyền ra các đội đồn binh
Cuốn cờ, chụp (扶) trống, tịnh-hành rút xuống (撑)
Ba ông ở lại bối hối
Đem mình quan trưởng vào nơi hãm hình (陷刑)
Nghĩ mình lại giận với mình
Quân ân quốc-lộc đã đành bấy nhiêu
Thất cơ sai bước với Triều
Lại lo nạn ách, nghĩ điều điểm-sinh 玷生
Giặc thì mau quá Phù-ninh
Sơn-dương 山陽 Lập-thạch 立石 tung hoành các dân
13b. Đến năm Giáp-tuất trọng xuân (1874)
Phá làng Nỗ lực 努力, Minh-nông 明農 các miền
Đến hai mươi sáu đang đêm
Phá làng Yên-lãm 安攬 vây liền tan hoang
Nhân dân tẩu tán kinh hoàng
Nhi-đồng, phụ nữ gian nan cũng nhiều

Giặc thì thắng thế hô reo
Kéo vào phát hoả cùng đều gia uy
Các đồn đâu đó rút về
Đại đồn Yên-lãm hả-hê 呵唏 đêm ngày
Có quan Tôn-thất 尊室 tài thay!
Thật quyền tham-tán, quan(?) tay trung-thần
Dốc lòng vì nước vì dân
Bài-sai (排) các đạo tinh-binh (quân) hai nghìn
Tinh hành thuỷ bộ tiến lên
Đóng đồn Lâu-thượng 樓上, kén rèn quân-gia
14a Đến ngày mười bảy tháng ba
Đem quân đóng bến Đò Hà 渡河 An-~~gian~~ lương 安良
Sang ngày mười tám tổ tướng
Phân binh bốn mặt một dương giao công
Hải-lan 海欄 thuỷ-đạo dưới sông
Trên thì ba tướng uy-hùng phá tan
Bao nhiêu giặc khách kinh-hoàng
Tên thì tướng đập quật quăng xuống sông
Người thì phải đau phải chồng 肿肿
Kẻ thì chết cháy ngồi không
Tên nào chạy thoát vòng vây
Chẳng tham tài-hoá, chẳng đây đàn bà

Vội vàng vứt bỏ can qua
Rút về đóng tại Trời-hạ, phủ Đoan
Chỉ rằng "Thiên bất dung gian 天不容奸
Sát nhân giả tử 殺人者死", có oan chút nào
14b Quan thì thắng thế vui sao
Kéo sang Lập thạch, yến hạo 宴犒 khao quân
Bái sai các tướng ân cần
Kéo vào Tây hạ 西下 quanh dần vây liền
Tháng tư sơ nhị hạ-thiên
Giao-công bốn mặt trận tiền phá tan
Liễn hồ 蓮湖, Cổ Thụ 古樹 các làng
Quan quân thiết phục ẩn dàng đánh xuôi
Các đồn giặc đã tan lui
Sinh cầm 生擒 Biền Quắc giọc đuổi quảy về 駢馘
Đem ra Phú thụy 富瑞 đóng bè
Đem trôi đâu đó biết uy triều-đình
Trước là Thanh-phỉ e mình
Sau là nổi tiếng dân tình được trông
Tây hạ thu-phục đã xong
Thượng-quan phân phái hội-đồng ngược xuôi
15a Các quan lên phủ Đoan rồi
Một quan lỏn tấn 賛 tái hồi Sơn tây.

Lập đình Thiên địa làm chay
Theo hầu sẵn đấy trốc 拔 ngay Lính Đồng 同
Sai quân lập-tức đóng gông 杠
Cùng tên lính Thượng 上, cổ gông, chân cùm 桧
Lại thêm anh gọi Hiệp Hùng 叶雄
Trong ba tên ấy như hùm ở hang
Tha ra lắm kẻ lo-lường
Giết đi thiên hạ một đường yên vui
Tha hồ kẻ ngược người xuôi
Cùng người buôn bán nức vui trong lòng
Từ rầy không sợ lính Đồng
Cùng quân lính Thượng hai anh lính Tường 详
Bắt quân thủ-hạ cướp đường
Từ rầy thiên hạ tứ phương thái-bình.
Đội ơn quan tại triều đình
Chẳng thì dân xã khổ tình còn lâu

Khuyên ai phải sợ trên đầu
Làm người phải giữ trước sau mới tuyền
Hễ là cây thế làm càn
Đến sau mắc nạn chẳng oan chút nào

瑤池伯
黎廷鑑

旅中吟

Lữ-trung ngâm

Hoàng Xuân Hãn
phiên âm

nh
g

旅中吟序

天能予人以卓犖瑰偉異之才。忠義激烈之操。而顧使之詘于遇。至於牽天下之窮，而無以加焉。是独何哉？其將使之以其卓犖瑰異之才。以見其忠義激烈之操耶？

吾吴從大舅黎公瑤池。早飲香名。少領秋薦。登泮後。每以魁多士馳盛名。屢牽礼部不第。既乃博覧孫吴七書。改習武業。又以足疾。弗獲應牽。久之得一布政州知州。

丙午国変。晏都王晋封輔国政。擢副知礼番。不数月。王行扎。遂奉羈靮。蛮兵再入。文廬昭統皇帝御駕于扎。復國未幾，駕迁内地。公弗獲扈從。復追随晏都王于險難中。檄諭皆出其手。特放入侍進朝伯爵。

王殂。竄于南海，尋避偽命。徙山西之峰州。連遭家変。志不少沮。而卒帰於無所成焉。

今迁于京邸。病且革。以其所作旅中吟集示某。叮嚀點閲。兼為之序。某歸捧而讀之。

其中雜以国音。有声罪討賊之作焉。有感苗舒懐之作焉。有哀輓之作焉。有酬和之作焉。而乩筆問答之作。則又十居其四五。其慷慨忠憤之情。溢于言表。使人慨然以思。悽然以悲。而不知其所以

新35b^a^(II) 鄧19b(T) 議II 43b

TỰA

Trời đã phú cho cái tài lỗi-lạc, cái tiết rắn-rỏi, mà lại xui gặp vận chẳng may, đến nỗi nước ~~đ~~ mất, cho ~~nên~~ tài ấy, tiết ấy không thi-thố được.

Tại sao, một mình ~~phải~~ vậy? Có phải chăng trời muốn lấy cái tài lỗi-lạc để làm rõ cái tiết rắn-rỏi kia chăng?

Ông cậu họ tôi, là Lê Dao-Trì, đã nổi tiếng sớm. Trẻ đậu hương. Sau thi hội mãi không đậu, bèn tìm đọc binh-thư, tập vũ-nghệ. Nhưng vì có tật ở chân, không được đi thi võ. Sau mãi, được bổ chức tri-châu Bố-chánh.

Đến năm biến Bính-ngọ (1786), Yến-đô-vương phụ quốc-chính, bèn cất ông làm phó-tri Lễ-phiên. ~~Khi~~ vương chạy lên Bắc (vì Nguyễn Hữu-chỉnh đánh đuổi), ông bèn hộ-tùng.

Đến lúc quân Tây-sơn lại tới, vua Chiêu-~~thống chạy~~ thống chạy lên phía Bắc. ~~Chẳng~~ Lấy lại được nước, rồi chẳng bao lâu vào ở Nội-địa.

Ông không theo kịp, bèn trở lại theo Yến-~~đô-vương~~ đô-vương trong gian-hiểm. Các hịch, dụ, đều tự tay ông thảo. Vương bèn ban cho tiến-triều và tước bá.

Sau khi vương mất, ông trốn ra biển, để tránh mệnh của Tây-sơn. Rồi dời tới ở Sơn-tây. Gặp gia-biến liền-liền, mà chí không nhụt. Thế mà chung-qui không thành.

Nay ông về ở nhà tại Kinh (Thăng-long).

為也。

人豈無旅也。旅豈無吟也。而何公之旅之吟之若是也。豈天固厚公之才。而薄公之遇。以見公之操耶。或曰：是則然矣。

乩筆問答。不幾於幻乎？曰：離騷有天問。天可問。仙独不可乎。

於是乎序。

癸亥一陽月

表從姪。前丁未科進士翰林院檢討。仁溪杜浩養甫善　拜稿

侍中學士行奉天府督學適安侯。前己亥科進士入侍添差知工番。立齋峡道甫范　潤正

杜令善 青池仁睦，前令名之後．丁未(1787)科 文破中式
一十八歲雋

Ông ốm nặng. Bèn lấy tập thơ LŨ TRUNG NGÂM mà ông đã soạn, đưa cho tôi xem, đinh-ninh dặn điểm-duyệt và đề tựa.

Tôi cầm về đọc. Thấy trong tập, có tạp-dụng quốc-âm, hoặc kể tội giặc để đánh giặc, hoặc tả lòng cảm-cựu, hoặc khóc điếu người thân, hoặc thù-họa với kẻ khác. Mà thơ nói chuyện với các tiên thì lại chiếm đến bốn năm phần mười. Tình khẳng-khái trung-phẫn tràn-dào ra lời, khiến người đọc nghĩ mà phấn-khởi, thương mà đau-xót, mà không biết từ đâu. (Lời phủ đọn: một chữ là một dọt nước mắt)

Ai mà không ở đất khách. Ở đất khách ai lại không làm thơ. Nhưng sao mà sự ở đất khách, sự ngâm ở đất khách của ông lại như thế này? Phải chăng trời sai đủ cho ông về tài, mà bắt ông với về ngộ, để làm rõ tiết-tháo của ông? Có kẻ trả lời: ấy đúng như vậy.

Còn như nói chuyện với tiên, dễ ấy là huyền ảo chăng? Tôi trả lời: Li-tao có chuyện hỏi Trời. Trời còn hỏi được, thì tiên sao lại một mình không hỏi được?

Vậy viết tựa.

Năm Quí-hợi (1803), tháng giêng, cháu biểu-tùng-điệt, là tiến-sĩ khoa Đinh-mùi đời Lê (1787), Hàn-lâm kiểm-thảo, Nhân-khê, Đỗ Hạo-dương phủ (Lĩnh-Thiện) Thiện bái-cảo.

Thị-trung học-sĩ, đốc-học Phụng-thiên-phủ Thích-an-hầu, Tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi (1779) đời Lê, trước làm Nhập-thị thiểm-sai tri công-phiên Lập-trai Dữ-Đạo-phủ Phạm (Quí-Thích) nhuận-chính.

旅中吟

故黎徵臣進朝入侍瑤池伯黎輝瑤撰（公青池仁睦坊人
原名輝璋）

(a) 麥秀：箕子過殷墟曰：麥秀漸漸兮！禾黍油油兮！彼狡童兮！不與我好兮
（蓋悲故國之滅也）– 箕子是殷之太師，諫紂被囚，佯狂為奴。武王
滅殷，箕子率五千人，避之東（朝鮮）而君之。今平壤有箕子墓。

黍離（詩王風篇名）周大夫行役（于西）至於宗周（西周地域）過故宗
廟宮室盡為禾黍，閔周室之顛覆，彷徨不忍去，而作是詩

a
"Mạch ca" ngâm rất thảm
"Tất phủ" nghĩ càng đau
Ôi thôi! cõi hoá thực
Xót nhỉ! biển thành dâu

(b) Dòng dõi sâu xa

(b) Sang nghiệp: dựng nên đời vua chúa (thủy) trung-hưng: lập lại ngôi sau khi đã bị mất (trở tế Trang tông)

(c) Nơi dân yên. Vững điền Lạch nhạn 澤雁 trỏ nhạn kêu ở đầm là kẻ có loạn

6 Rấp có 立孫 rập đất trời (có trong đất nọ). Tâm khúc trở loạn: khúc ba
có lẽ là Xấp-xỏ (sai vì kẻ dạy 趦趄

10 Ô lý: Thuận hoá. Nơi quân Tây Sơn lấy Phú Xuân rồi kéo ra Thăng long

11. Chủ: chỉ. Te nghé: dòm-dỏ

(1) 阮有整貫近東海 (thực ra, quán làng Đông-hải) — (2) 日者清又二處兵驕(?) 不入紀律 — (3) 阮有整前爵鵬嶺侯，後爵鵬郡公 — (4) 日者西寇專用火虎 — (5) 日者，王以國師死社稷

LŨ TRUNG NGÂM

Cố-Lê vi-thần Tiến-triều Nhập-thị Dao-trì-bá Lê Huy-Dao soạn. Ông người huyện Thanh-trì, làng Nhân-mục. Nguyên tên là Huy Vi.

Mạch ca thâm hữu cảm 麥歌深有感
Tất phú tối kham liên 黍賦最堪憐
Dĩ-hĩ lăng vi cốc 已矣陵為谷
Ai tai hải biến điền.[a] 哀哉海變田

Lê-hoàng từ có Nam-thiên,
Dấu vương nền đế dõi-truyền vân-nhưng.[a] 雲仍
Trải sáng-nghiệp[b] trung-hưng[b] sau trước,
Kể năm đà được ngoại ba trăm.
Đương con chim nhạn êm đầm,[c] 淹潭
Bỗng duềnh Đông-hải tăm kình rấp cô(?) (1) 立孤
Dòm quốc-đô vừa khi binh-biến (2),
Chiếc cánh bằng khéo quyện lông hồng (3). 絹
Tưng-bừng lửa hổ tứ-tung (4),
Đã miền Ô Lý, lại vùng Hoàng-châu. 皇州
Giả tôn-phù, chín toan tê-nghé, 睥睨
Dưới vương-cung chẳng nể ti-hào.
Cân công-đức biết là bao,
Phụ ~~NGHI~~ nghì như CHÍNH nỡ nào cho cam.
Đau đớn đức ĐOAN-NAM tuổi trẻ, 端南王
Mình muôn vàng xem nhẹ mảnh lông (5)

(1) Nguyễn Hữu-Chính quê ở Đông-hải.-(2) Ngày ấy kiêu-binh hai xứ Thanh Nghệ không theo kỷ-luật.- (3) Nguyễn Hữu-Chính trước có tước Bằng-lĩnh-hầu, sau tước Bằng quận-công.- (4) Hồi ấy Tây x~~x~~-sơn hay dùng hỏa-hổ.- (5) Hồi ấy vương làm quốc-súy mà bị chết

19 Khâm sai = theo lời vua phong vương cho Trịnh Bồng

21 Nghìa = ngẩn

倒持

23 Gươm A: gươm Thái-a. Hán thư có: 太阿 = cầm ngược gươm thái-a: trỏ vua trao quyền cho bầy tôi. Đây trỏ Chiêu Thống trao quyền cho Chỉnh

25 Cảnh báo: báo tin có biến động. Gióng mang: ~~cờ tờ~~ gấp rút

26 Biên hầu: quân đóng ở biên thùy (Hầu là người lính tuổi còn ra cầm quân)

30 Trong nói khiêm tệ trỏ mình, nghĩa là bầy tôi hèn mọn. Hổ = thẹn

31 Tống chu = là Tây chu, nhà Chu lúc thịnh (Văn vương Vũ vương)

32 Chủ rát = Giả nghĩa khương ân: giả làm việc nghĩa mà hay đến lòng biết ơn. trỏ ~~Bảo Cảnh vương~~ Vũ hữu Chỉnh giả nói phù Lê mà quên ơn vua Cảnh Hưng

35 Ngỗ = may chỉ

漢節 北胸

唐鈴 西行

執鞚 = cầm dây cương ngựa vua

本支 鏑冰 ---

儺迫 = ép buộc về phủ chúa 推戴 = tôn lên làm chúa: chứ không phải tự mình muốn

紛恡 = bối rối 脩攘 = sửa sang trị nước và dẹp ở ngoài

紨, 垠

Chạy với Yên-đô-vương ra Đồ-sơn

Trải tuần tạc-đảng tán không,
Thánh-hoàng tưởng lại tiềncông thêm ngừng (6).
Khâm sắc vâng đại-quân hữu mệnh,
Yến-đô-vương phụ-chính như xưa.
Hay đâu lòng giặc khôn ngừa,
Phù kia diệt nọ quen mờ người ta.
Này gươm A lại toan đảo bính,
Dấu Vũ-Thành giám sánh Chu-Vương(7).
Cong khi cảnh-báo song-mang,
Biên-hàn phá mật, miếu-đường bó tay.
Thế đã lay nặng lòng súy-phủ,
Chiếc xe loan bắc-thú lênh-đênh.
Qua làng Trúc-ổ an dinh,
Vi-thần hổ dự nhung-hành một tên.
Mảy giám quên tông Chu đại-nghị,
Chín cam loài giả Nghĩ thương ân.
Vâng làm một hịch vân vân,
Ngõ bình loạn-tặc, vả ran gian-hùng:

I.- HỊCH ĐÁNH NGUYỄN HỮU-CHỈNH

Hán-tiết kia khi Bắc tuận, lũ thuộc-tâm đều mừng thấy quan-quân; Đường-Linh nọ thuở Tây hành, đoàn chấp không há lảng xem xã-giá.

Tiết cứng hổ chi trời đất; lòng ngay chung cả xưa nay.

Ta: lạm dự bản-chi; chút là đích-phái.

Trọn, thần-tiết đôi mươi năm nhẫn trước, ủng-bách trót cùng suy-đái, trời về người ứng, há toan mưu; túm quyền-cương ba bốn tháng là bao, phân-mang chưa kịp tề-nhương, ngoài rối trong ngăn ai thụ trách.

* Xem LQKS 42a

Lê vu: gạo hết, cỏ hoang. Ăn ở sơ sài khổ sở

Cơ địch: dây cương, hàm thiếc ngựa

Đường-cầu: sự con nối nghiệp cha, như làm nhà Y-thuỳ: trỏ triều đình

Thật lại: trong các công-văn của vua Lê sau thường đều có câu Thực lại (Thật khổ) lời đến hiệu chúa, để tỏ sự kính trọng đặc biệt chúa

Ngọn lửa: trỏ sự vua Chiêu Thống sai đốt phủ chúa sau khi Yên đô vương chạy. Tại tôn: lời vua ban đêm nói cho Trịnh Bồng ở lại để thờ phụng tổ tiên

Trở giáo soái: phản lại chúa. Mãng Thảo Vương Mãng và Tào Tháo cướp ngôi Hán. Đây ám chỉ Chỉnh sẽ cướp ngôi vua.

Danh tài: kẻ giúp rập có tiếng Bạn thần bầy tôi làm phản

[illegible] cho đại nghĩa: nghĩa trung với vua

Bui: nghĩa tên chữ Duy: nhưng mà

47 Song kế loạn cũng vì bước nước; vả dục bình chưa chuyển máy trời.

49 Cờ khâm-sai khôn tỏ thực hư, gang tấc chống uy còn chút ngại; xe xuất-hạnh phải nhiều quyền-biến, dần-dà tỏ thế để sau toan.

51 Lệ-vu đón rước nào ai; cơ-đích theo cầm ít kẻ.

53 Trùng-trập lâu-đài mấy lớp, trông nền đường cây chạnh bồi-hồi; dọc-ngang triều-thị đôi chòm, tưởng hội y-hường thêm bát-ngát.

55 Thành-quách sơn-hà nguyên chẳng khác; nhân-dân xã-tắc cũng là chung.

57 Hoàng-triều nghìn tuổi âu vàng, chữ thật-lại còn in dấu cũ; báu-khuyết ba ngày ngọn lửa, lời tại-tồn đã lạnh nguyền xưa.

59 Gẫm Đà-cung man-mác thế này; vì Bằng-quận lang-loàn nên nỗi.

61 Trở quốc-soái để đất mưu Mãng Tháo, nghĩa chúa tôi vỗ sạch đường không; cậy Thiên-vương toan mượn tiếng Hoàn-Văn, nước cha mẹ phá tan như tổ (rửa)

63 Tính mặt còn nhiều danh-tá; bó tay sao chịu bạn-thần.

65 Dầu tông (tôn!) Chu là đại-nghĩa tua gìn, buý trung-hưng thực-lục còn đây, mậu-đức long-công chi nỡ phụ; bằng tự Hạ ví mão-cung chưa xứng, thì liệt vị thánh-vương về trước, thâm-nhân hậu-trạch khá nên quên.

67 Chúa ưu thần nhục, quản nài chi; quốc trọng thân khinh, cân-nhắc đấy.

Lữ-thành : quân có lẽ tên quân

Phản bái : mang cờ vua trở về kinh

Thanh tội : kể rõ tội cho ai cũng biết

Xướng gia : dấy binh chống lại

Tương hữu : giúp rập

Kham-bát : đánh dẹp

Hịch lông : hịch truyền đi rất chóng, xưa dùng lông ~~chim~~ gà thắt vào bằng hịch để ~~phi trạm chạy~~ làm hiệu cho ai cũng phải tránh cho trạm chạy.

Tào : là thuyền, tàu

Chú Thạc . Hoàng Phùng có đồng ở Sơn tây. Tác giả gọi những kẻ đồng chí cao cấp là "chú" (nghĩa là em bố. Đây là hàng em chúa)

(6) 鄭先祖太王哲王扶黎滅莫中興 (7) 日者阮有整別立軍号名武成

(8) 丁未年孟春月，阮有整託名尊黎，驅扇清乂二処，再犯京闕焚王宮。要都王迁幸京北。日者澂臣扈從，奉扶鄭檄。輪侍京北海陽等道以討乱臣。 (9) 錫壤即邯江壤郡公。寧边即真珠蓮忠侯。(10) 注碩即碩武公 (12) 九竜山夾塗土 (13) 鱗洋侯即前博澤大王之子。戊申年丙從鑾駕北幸内地。(14) 府名

69 Cu-góp lũ-thành mấy lũ, lấy sóc-phương làm chốn thu binh; rủ-rê trung-nghĩa một đoàn, trông Nhị-thủy trỏ ngày phản bái.

71 Biên có giặc, phải xin thanh tội; Vua là trời, há giám xưng qua.

73 Tại thiên liệt miếu dấu còn thiêng, nhờ tương-hữu đựng công kham-bát; hữu đạo hi-triều đời dõi-nối, dốc khuông phù đặt thế tôn an.

75 Trước sau dãi mấy nhiêu lời; trên dưới tua cùng một sức.

77 Dù nghĩ đỉnh-chung đền lộc nặng, tấm trung-thành phó đã quỉ-thần; đành hay thư-khoán chép công dày, lời minh-thệ trỏ cùng non nước. (8)

Mảnh hịch lông mới truyền đạo Bắc,
Các chi đà tằng-tắc tiến lên.
Đông thì Tích-Nhượng, Ninh-Biên, (9)
Ngọn cờ chúa THẠC treo miền ngàn Tây (10).
Ấy ai hay cơ trời chửa chuyển,
Trận Lãm-sơn, được biến ra thua.
Nghìn gió giục buồm đưa,
Sông Hàm trở lái, non Đồ đóng quân.

(6) Các tiên-tổ Thái-vương và Triết-vương họ Trịnh đã giúp Lê diệt Mạc để trung-hưng nhà Lê.

(7) Hồi ấy Nguyễn Hữu-Chỉnh đặt riêng quân lấy hiệu là Vũ-thành.- (8) Tháng [illegible] năm Đinh-mùi 1787, Nguyễn Hữu-Chỉnh thác danh phù Lê, đem quân Thanh Nghệ ra chiếm Kinh, đốt cung chúa Trịnh. Yến-đô-vương chạy lên Kinh-bắc. Bấy giờ vi-thần hộ-tùng, vâng mệnh soạn ra hịch này, luân luân-truyền các đạo Kinh-bắc, Hải-dương, để dẹp giặc.- (9) Tích-Nhượng tức là Nhượng quận-công ở Hàm-giang.

1. 塗山駐蹕 (山上有古塔，額題李朝龍瑞八年制。山旁四面皆水。山之下八社民居焉。微臣奉撰)

峻嶒山嶺一浮屠。留借吾王今泊舟。
块水四环宜作障。井廬八聚恰成都。
欽同玉帛重王會。先共袍裳殄国讐。
早早神京歌凱後。合將駐蹕扁名壺。

2. 製詩 (日者壤郡公統理軍務)

干戈落落乱征塵。誰為群方洗障雲。
孝悌誓清今有將。運籌決勝古何人。
毋將尚記尊周筆。不道偏仇背漢臣。
眷彷幸憑天相佑。圖回社稷更生春。

3. 微臣奉賜詩謹依元韻拜和

趍陪多幸挹香塵。拜捧宸章詠彩雲。
戰將有謀成二傑。微生無狀亦餘人。
尊周若果彰完節。背漢何難問叛臣。
眷彷夫心符圣諭。皇王依舊世如春。

4 慰壤郡公 (微臣奉撰)

飽經海嶠又江濤。羈旅相從靡憚勞。
爭執似難偕許漢。撓金亦厚不降曹。
已將順逆歸双眼。肯為奸雄拔一毛。
帶礪山河家秀苗。酬勳我亦休前朝。
(日者阮有整屢致辭。壤郡公堅執不肯)

· Đinh Tích Nhưỡng 丁錫壤

Bát xã-dân hồ-tương hiệu-thuận,
Miền Kinh-môn bảy quận một lòng.
Vi-thần chung thủa hộ-tùng,
Khi bồi nhung-trướng, khi cung tao-đàn:

1.- Dừng quân ở Đồ-sơn (11)

Trên núi có tháp xưa, ngạch-đề: Lý-triều Long-thụy bát niên chế. Cạnh núi, bốn bề đều nước. Dưới chân núi dân cư ở thành tám làng.

2.- Thơ ngự-chế

Bấy giờ quận Nhượng tổng-lý quân-vụ.

3.- Vi-thần họa theo nguyên-vận.

4.- Ủy-lạo quận Nhượng

Vi-thần vâng mệnh soạn. Bấy giờ Nguyễn Hữu-Chỉnh Chỉnh nhiều lần viết thư tới dụ, nhưng quận Nhượng kiên-chấp không nghe theo.

Đỉnh Long-sơn (12) toan ngăn một dải,
Bỗng đạo Nam có khải phụng-nghinh.
Cạy chèo trống giục tiến-hành,
Kìa ghềnh nọ lạch uốn quanh lần lần.
Qua cửa Lân, ngang sang Bác-trạch,
Chú Lân-dương rước-xách vào dinh (13).
Cám ân đâu chẳng thâu-thành,
Cần-vương há những Thái-bình (14) một khu.

Ninh-biên tức là Liên-trung-hầu ở Chân-châu.- (10) Chú Thạc, tức Thạc-vũ hầu.- (11) Những bài này đều bằng chữ Hán. Tôi sẽ đánh số a-ráp rồi chép riêng phụ vào sau.- (12) Cửu-long-sơn là giáp với Đồ-sơn.- (13) Lân-dương-hầu là con đại-vương Bác-trạch trước. Năm Mậu-thân (1788) lại theo hộ-giá vào nội-địa.*- (14) Tên phủ.

* Lân dương hầu, tên là Phạm Tôn-Lân 范尊鱗 người làng Bái-trạch, huyện Chân-định; con đại tướng Phạm Tôn-Nhậm 任 là kẻ có công lớn đời Trịnh Doanh (Hoàng Lê Nhất Thống chí hồi 14) (hoặc Sĩ 仕, theo NGVP)

(15) 博泽江水戰敗 — (16) 日者阮有整託名尊黎，營官永治阮台公，著國是如云：王莽便死，真偽誰知。曹操之生奸雄立見。香罗黎台公亦上勍疏如云：鉄実之号于太祖軍右。武成之師，以周王自况。— (17) 日者裴弼直欽差贊理南道。—
(18) 戊申年孟春月，西山賊阮惠再寇，重兵駐驩州。鑾駕渡河北幸。微臣仍欽撰諭四方勤王一道。奉寄南道贊理官，轉遞京北行在。欽敘進朝

Vùng đông-ngu hận xưa chưa vợi (?),
Bóng ngả cành khay trận vì ai. (15)
Chênh chênh gấp bước truân lôi,
Hồi loan bánh chiếc, tị đài mé xa.

Nỗi vương-gia đã là thế ấy,
Trong hoàng-thành lại dấy phong-trần.
Khuông vương ví thật Hoàn-Văn,
Bắc-nhung chi giám có gần Đông-đô.
Giận tôn Chu kìa ai mượn tiếng,
Để chín lần gối biếng chẳng yên.
Gió nam đưa ngọn cờ chiên,
Thúy-hoa sớm đã ngụ miền Bắc-kinh. (16)
Gẫm quốc-tình khá sa nước mắt
Lại nhà thầy Bật-Trực có thư (17).
Vi-thần lòng rối đường tơ,
Họa vần vả gửi đệ tờ dụ-văn: (18)

II.. HỊCH DỤ TỨ PHƯƠNG CẦN VƯƠNG THẢO TÂY

Ngã xung nhân nhược viết:

Đầu ba giường là đấng quân thần, kệ cao dưới cũng cảm đàn ong kiến; chân thiên-hạ ấy là di-địch, đảo dưới trên chi dung thói muông dê.

(15) Đánh nhau ở sông Bác-trạch lại bị thua.- (16) Bấy giờ Nguyễn Hữu-Chỉnh thác danh tôn Lê. quan ngự-sử người Vĩnh-trị họ Nguyễn can vua rằng: 王莽便死真偽言佳知. 曹操之生奸雄立見 Quan họ Lê người Hương-la hặc rằng: ... - (17) Bấy giờ Bùi Bật-Trực làm khâm-sai tán-lý ở đạo Nam.- (18) Tháng giêng năm Mậu-thân, giặc Tây-sơn Nguyễn Huệ trở lại cướp. Trọng-binh đóng ở Nghệ-an. Vua chạy qua sông lên phía Bắc. Vi-thần vì vậy soạn bài hịch này, vâng mệnh gửi cho quan tán-lý Nam-đạo, để chuyển đệ tới hành-tại Kinh-bắc. Được ban Tiến-triều.

Dũ củng : 垂拱 : dủ áo, chắp tay

Di-Ngô 夷吾 : tức là Quản Trọng, đời Xuân thu, giúp Tề Hoàn-công thành bá.

Phiêu kỵ (tướng quân) đời Hán Vũ-đế đi đánh Hung-nô 6 lần

Hồ-sô : trỏ 劉淵 người Hung-nô, xưng là dòng Hán, lấy họ Lưu, tuổi nhỏ rất thông minh (Hồ sồ : con phượng hoàng non) sau giết Tấn lập Triệu

Lòng hằng dù sẵn lẽ trời; nghĩa cả phải lo thù nước.

Nhà nước ta: Lam-sơn dấy tích; Hoàng-tổ ra uy.

Trải bình Ngô dựng nghiệp bá-vương, gồm mười ba đạo mở-mang, bốn bể dẹp yên khôn lượng đức; từ diệt Mạc nẩy quyền súy-phủ, lẻ đôi trăm năm -cập, muôn phương chẳng oán ấy là ân.

Dưới trời đâu cũng tông Chu; ngoài cõi có chi hoạt Hạ.

Áng phong-trích mũi hung máu thấp, gươm Tào, một dải nước không trôi; chốn Kim-thang khói ngất biếc tuôn, lửa Hạng, chín từng mây cũng thắm.

Tại cúc, con đà man-mác; sào lâm, cái én ủ-ê.

Vậy hứa hôn đành Tiên-chí muốn gì, chín lệ tàn dân nên cát ái; mà thông sứ há mão-cung được chớ, cũng toan yên nước phải liền-hòa.

Đảo-điên nài thói ấy vốn thường; trọc-loạn kể phen này là mấy.

Lần cửa không-cung êm khóa, giả tôn-phù cho đất chước chỉnh-cư; chiếc xe viễn-tái ruổi tìm, trá nghinh lập để mua lòng thủy phụ.

Đường cố-đạo hồng-mao đỏ rực; miền thần-kinh lân giới tanh om.

Yên nhượng dù chẳng lì -ngô, lễ nhạc y quan dời thói cũ; tảo-diệt ví không phiêu-kị, sơn-hà thành-quách khác nền xưa.

Hồ-sô phúc Tấn khá làm gương; Nhung-hiệt loạn Đường còn để dấu.

Vả Hoan Ái thôi lương lại lính, quấy đã tàn trong ấy hai châu; bằng Kinh-đô biến Hạ làm di,

5.. 附南道贊理官詩

乱後携兒入故山。冠裳不敢許長安。
江山自古多藏拙。造化如今更靳閒。
身上襤露忘却少。眼前謦醜恨難寛。
光塵踪影誰相會。明月清風天地間

6.- 微臣依元韻和答

華夷自古限江山。盘拠如今窃不安。
朔塞崎嶇銮馭迴。端門寂莫石竜閒。
閩周賊虜与為棘。匡復臣心敢自寛。
矧此長江風水便。安攘正係片帆間。

戊申年孟春月，微臣欽撰

hại ắt kịp ngoài này các trấn.

Bước nước chênh-vênh thế ấy; lòng người lo-liệu làm sao?

Trẻ-tớ nên nỗi trở-hồng, dường bởi nhất nhân hữu tội; tán-sách gặp cơn phân-loạn, khá thương vạn tính hà cô.

Lìa thành tị-địch cũng là quyền; họp nước phục-thù đà sẵn thế.

Ngoài phiên-khổn hịch lông sao ruổi, lấy Sóc-phương làm chốn thu binh; dưới hành-doanh cờ nghĩa gió lay, trỏ Nhị-thủy đính ngày phản bái.

Tổ-đức tông-công rành-rạnh đó; trung-thần nghĩa-sĩ lạc-loài đâu?

Kẻ đỉnh-chung từng nặng quân-ân, thủy lôi ấy kinh-luân đại hội; miền điền-tỉnh cũng nhờ đế-lực, cần bộc là thi-báo hằng-tình.

Ví hay cọng tế gian-nan; thế ắt dữ đồng hưu-thích. (19)

5.- Phụ thơ của quan Tán-lý Nam-đạo
6.- Vi-thần họa theo nguyên-vận.

Dấu xa-trần từ cơn bá-đẵng,
Đoàn hồng-mao họp áng Loa-thành.
Ngang đầu khan nhiễu vấn quanh,
Thói hoa chợt đổi mùi tanh đã lừng.
Phá đùng-đùng thôn kia xã nọ,
Trong một ngày mấy bộ chinh-khoa.

(19) Tháng giêng năm Mậu-thân (1788), vi-thần kính soạn.

7. 樂天元后，俯蘇北徯之寵倪；哭地孫臣，仰奉南祖之綸綍。

凡有血氣，盡共袍裳。

須者，国步邅屯，边蛮窃肆。

逼翠花於遠徼，將致百年天地文明之域，淪入腥羶；流兹毒于長河，牽十三宣人煙熾盛之區，蕩成荆棘。

幸本国克遵侯度；蒙天朝不棄藩封。

天地心一視同仁，依庭軫乞師之淚；東西省两欽成等分路飄入援之麾。

大兵從陸路以首驅；狂匪懾天威而遠竄。

薰罰豈留遺孽，仰列位大憲，廷奮莫憚於揮戈；服勤且燭微衷，顧一介小臣，堵截叨勞於給劄。

仍此渭黃要処，扒成扼後之形；勗哉南道偏師，齊鼓爭先之勇。

慶賞具存彝典；激昂尚一乃心。

（戊申年季冬月，微臣奉草，寄書舍鮮元黎然轉遞。那機用字。由北国人不諳国語）

Lính thôi, lương lại phải ra,
Khắp ngoài sáu trấn chín nhà mười không.
Dân đã cùng, uy-hình cảnh thảm,
Cảnh điêu-tàn dễ dạm nên đồ.
Kìa ai bô-bá giang-hồ,
Tấn-thân dấu cũ, cung-cừu (hồ) nền xưa.
Kìa ai đưa một đoàn lếch-chếch,
Giã quê nhà làm khách tha-hương.
Kìa ai xung-đột chiến-trường,
Đọc thiên điếu-cổ thương chàng chinh-phu.
Cõi Diên-phù cõi trần tuôn ngất,
Thần mất nương, Phật cũng long-đong.
Bừng-bừng lửa nhật thông hồng,
Tượng vàng ra nước, chuông đồng vào than.
Nỗi hung-tàn thần-nhân đều giận,
Lòng Từ-cung ẩn-nhẫn bao đành.
Khất sư khóc mé Tần-đình,
Đại-thanh hoàng-đế chuẩn tình ngự ban.
Quân quá quan tiến-hành lục-tục,
Binh-phù trao tổng-đốc họ Tôn.
Tiên-thanh một trận vang dồn,
Xe về ~~xxxx~~ thành cũ, giặc (bon) cõi ngoài.
Lại phân-sai quải-bày tiến-thảo,
Hội giáp công các đạo tranh tiên.
Mặt nam thì chúa Hàm-xuyên,
Vi-thần đại thảo hịch truyền một chương:

7.- Hịch tiếp tấn-công Tây-sơn

(Tháng chạp năm Mậu-thân 1788), vi-thần vâng mệnh thảo, rồi gửi cho giải-nguyên người Tảo-xá là Lê Nhiên chuyển đệ. Hịch này làm bằng chữ vì người Tàu không hiểu tiếng Nam)

8 欽詠慈宮皇太后唐律一首 [微臣奉撰]

我塵搀乱駕零汀。 代侖慈宮越国行。
三百年餘恢夏朝。 八千里外泣秦庭。
淚巾暗濕燕臺月。 撥旆光搖軫域星
諒是一嚬攸係重。 北南龢估頌坤貞。

9 黎氏世臣小戢鄭木 　希惟 皇弟第三宮太尉公閣下清照。我国發藍山拓迹，太祖肇基。四圣纘承，百年熙洽。迨统元恭皇帝，国步中否，莫氏上干。六十七年，誰家天下。

戢先祖太王，自䂬山起義，尊立莊宗裕皇帝，英宗峻皇帝；興绝扶衰，始基于此。至戢先祖哲王，祇紹先志，整乾坤，扶日月，取天下於偽莫，奉歸于世宗毅皇帝。精忠一點，上对穹示。

暨神宗淵皇帝，嗣守鴻圖。戢先祖誼王，内襄国政，外睦鄰封。匡持渠迪之功，具在譯侍。欽天朝大皇帝，嘉其功，冊封安南副国王，賚以金印。

继以戢先祖陽王，翊玄宗穆皇帝。迨玄宗上賓之嗣，戢先祖陽王，奉神宗九歲皇子立之。戢先祖康王，翊嘉宗美皇帝。迨嘉宗上賓之嗣，戢先祖康王奉神宗十一歲皇子立之；皆於帝室危疑之會。定大策建大忠。粗有大勲劳於庙社。由先祖康王而後，仗襲王爵，世篤忠貞。

至靖王弗克遵承，寔於義上少欠。迨戢端王紹緒，偶值变兵内阻，事屬劳遑。戢端王權宗庙一身之輕重。以国帥死社稷

及蛮兵西帰，戢忝鄭氏正绕。欽仰皇上冊立，仍委重權。惟经綸於屯昧，斡治於盡壊。事劳處难。日者惴惧弗勝。謹本令知，從權在外。

戊申年，欽奉皇上遜居王位，准放戢公爵。恩踰望外。感佩無涯。現今北駕蒙塵，西蛮董肆。帝室宗親，零汀涯角。皇城宮闕，嘈雜弦聲。戢在羇旅中，每念庙社之黍離，生灵之荼毒，深為痛心。北望天威，日深一日。不謂還迹脩程，黄河隔絶。遅回引歲，賊党滋蔓。戢忝係世臣，到此事机，豈容恬愸。

近来规措，正為帝室服勤。祇今翠輦遙臨，号令征伐之權全係閣下身上。聞已畧番按謁，遠阻难通。仍委信員具札斡逐。望閣下軫戢寸點忠赤。凡攻剿机宜，相與協同商議。

(20) 戊申年季冬月二十八日，雲城亘天。至己酉年孟春月初五日，北兵大败。— (21) 日者王駕在西。— (22) 日者皇弟第三宮次于宣光保樂州

~~[illegible]~~ 皇弟黎维祗 (x. LQKM 83a)

Vua Chiêu-thống chạy sang Thanh

8.- Kính vĩnh đức Từ-cung Hoàng Thái-hậu.
Vi-thần soạn

Ối thương-thương lòng còn muốn loạn, 蒼
Áng vân-thành bỗng tản ngang trời (20) 雲城 烽
Phút giây cơ-hội biến dời,
Bắc-binh quá nửa làm người chịu oan.
Tổng-đốc quan kíp hồi tàn-tốt,
Ngô-hoàng con thảng-thốt nài bao. 吾皇
Vì ai dung đứa thiên-kiêu, 天驕
Cho vua ta phải phiêu-diêu nước người! 飄颻
Cuộc đã rồi đôi bên thua được,
Giặc-thế so độ trước càng gia.
Vả thêm xe bắc xa-xa,
Phục thù nỗi ấy ai là chủ-trương!
Yến-đô-vương (21) khi đương bôn-bá,
Lại phải lo miếu-xã sinh-linh.
Mấy thu trần-giá gập-ghềnh, 塵駕
Chăm lòng khôi-phục, quản ~~tàng~~ mình gian-nan.
Kết một đoàn trung-can nghĩa-đảm,
Song bính-quyền chưa giám tự chuyên.
Vi-thần vâng thảo thốn tiên, 寸箋
Thông sang Bảo-lạc để tuyên sự-tình: (22)

9.- Thư ~~[illegible]~~ Yến-đô-vương gửi cho Hoàng-đệ thứ ba (Để nghị cùng thương-nghị với nhau để đánh giặc. Tháng ba [tư] năm Canh-tuất 1790, vi-thần vâng mệnh soạn. Được ban chức Nhập-thị.)

(20) Ngày 28 tháng chạp năm Mậu-thân 1788, đám mây thành chắn ngang trời. Ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu 1789, quân Tàu bị thua.- (21) Bấy giờ vương ở Sơn-tây.- (22) Bấy giờ Hoàng-đệ thứ ba đóng ở châu Bảo-lạc thuộc Tuyên-quang.

幸頼天心相祐，掃清蛮寇，收復京城。奉迎乘輿，重登大宝。庶阁下得尽宫庭之至悌。小职得完臣子之大忠。
倘照此心，早賜来箋。密授方略。同時大奉，共済事功以副天下臣民之望
[庚戌年孟夏月，微臣奉撰。奉賜八侍]

Ⅲ 諭忠美檄 [24][庚戌年仲冬月，微臣欽撰。是日奉見御書瑤池佃三字特賜]

(23) 銓忠侯，坦武侯

Bổng tiên hành cậu Thuyện, chú Thần (23),
Vâng Hoàng-thân khẩn-khoản hồi âm.
Hành-doanh điếm tuyết trăm trăm,
Nhất đường mưu-nghị âm-thầm ai hay.
Chước nhiệm bày côngthành làm trước,
Ngoài các chi mật ước đề binh.
Vi-thần lĩnh chỉ phụng hành,
Thuật tình và hịch triển thành mấy van:

10.- Tế thiên-địa van (không thấy chép lại)
11.- Tế bách thần van (nt)
12.- Tế liệt Tiên-thánh-đế van (nt)
13.- Tế liệt tiên Thánh-vương van (nt)

III.- HỊCH DỤ TRUNG NGHĨA

(Vâng mệnh đệ cho Hoàng-đệ thứ ba)
(Thái-úy Dực-vũ-công)

Chiếc xe về đất Thục, đôi hoàng-sồ nên những sức dựng Đường; nam ngựa vượt sông Ngô, một đế-trụ phải ra tay phù Tấn.

Giềng cả quân thần làm trọng; lòng ngay kim cổ đều chung.

Ta: Đế-thất ý thân, Hoàng-gia chính-phái.

Nhớ thủa Bắc-binh man-mác, đỉnh Lam-sơn mở dấu, ấy thương dân; gẫm con Tây-phỉ lang-loàn, trong hương-khổn cắt yêu là vì nước.

Dường ấy gây nền phong-thủy; bởi đâu gặp hội truân lôi.

Nổi binh-phong trong sáu bảy thu trời, chín thấy thùy-gia thiên-hạ; chìm loan-giá ngoài tám

(23) Thuyên-trung-hầu và Thần-vũ-hầu.

(24) xem trường trên

nghìn dặm đất, thêm ngừng cố-quốc giang-sơn.

Thù quân-thân biết để ai lo; nền miếu-xã phải ra sức chống.

Tồn-tại tưởng nghìn năm lời ngọc-thệ, cờ cần-vương nên hợp sức khuông-phù; đinh-ninh vâng muôn dặm tiếng ti-ngôn, xe phản quốc đã tỏ bày sách-ứng.

Câu-Tiễn trước nào còn Việt; Tấn-Văn xưa cũng sang Tần.

Tuy tộ truyền đà á Hán siêu Đường, bui trung-gian vương-vị xứng thiên, đành đông-lạc trời chưa nỡ dứt; dù ngụy định đã từng di nhập Hạ,
song đương nhật dân sinh đồ địa, hẳn Tây-sơn 1.
đâu chẳng là thù.

Khuyên người nghĩa-đảm trung-can; giúp thửa bàn căn thố tiết.

Lý cần là quốc tứ, tấc gươm mảnh giáp xông-pha; lê thứ cũng quân-ân, bầu nước nai cơm đón rước.

Vừng hồng-nhật đã dan tay tái-vãn; dải Hoàng-hà đành sánh chữ đồng hưu (24).

IV.- HỊCH DỤ PHIÊN THẦN CÁC XỨ

(Vâng mệnh đệ cho Hoàng-đệ thứ ba là Thái-úy Dực-vũ-vương)

Khuông Hạ thửa Đông-thiên, phương-bá biểu-thần đều những sức; tạo Đường con Tây-hạnh, hùng phiên tiết-độ biết bao công.

Lòng trung nội ngoại khác gì; lẽ phải cổ kim vốn một.

Ai nấy: sơ từng huân-tộ; cựu hệ phiên-hàn.

(24) Tháng 11 năm Canh-tuất 1790, vi-thần soạn, Ngày ấy chầu vương, được ban ba chữ Dao-trì-bá.

(25) 庚戌年，仲冬月，微臣欽撰

(26) 用師府述意，付潘郡公，第六子 海派侯審發.

Vị tiên-công nâng sức dực-phù, lao nang ghi-tạc quốc-thư, còn nước còn non còn sự-nghiệp; vâng liệt-Thánh thể lòng sùng-báo, kế-tập dõi truyền gia-khoán, có dân có xã có phiên phong.

Hậu cùng huân-phiệt há những gì; hiếu với liệt-tiên tua nghĩ đấy.

Đường loạn, Thư-dương còn khóc tượng, huống bấc-giá đang con thê-lữ, dòng tông công chi khá vong tình; Chu hưng Cô-trúc cũng giằng xe, thấn Tây-man ra thói tham tàn, kẻ thế-lộc nỡ bao thúc thủ.

Nên nạng cương-thường một gánh; vả cân tiện hại đôi đường.

Ví Phù-Đông-lạc dựng gươm Lưu, ngõ mai chúa quí thần vinh, dấu thêm rạng thư son khoán sắt; Như để Bắc-Hồ nghênh vạc Tấn, sợ nữa thì di sự cải, ước khôn tròn non Thái sông Hoàng.

Dù hay thấu lẽ tùng-vi; kíp phải động niềm ưu-ái.

Dở sáng-nghiệp Trung-hưng thực-lục, tuyên-lao theo nếp tổ-tông; nghe cần-vương thảo tạc chỉ-thư, ứng nghĩa thề lòng thiên-địa.

Dẹp loạn sớm thu hoàn thắng; đền công sẵn đã di chương. (25)

V.- HỊCH DỤ HAI XỨ THANH NGHỆ (26)

Hễ kẻ can-thường phạm thuận, tội thông thiên

(25) Tháng 11 năm Canh-thân 1790, vi-thần soạn.
(26) Theo ý của Vương-súy. Giao cho Hải-phái-hầu con Phan quận-công thứ sáu mật phát. Vi-thần soạn.

thông quốc đều thù; này phen tuyết sỉ trừ hung, người đồng-địa đồng-cừu mới phải.

Ấy cũng quí-châu cựu-sự; hiện còn ngã-sử di-biên.

Hai xứ ta: xưa ấy trảo-nha; cũ là thang-mộc.

Tổ-tông ở đấy, miếu-xã ở đấy, liệt thánh lăng-tẩm ở đấy, khí ủy-song đà đem lại danh-hương; khai-sáng nhờ ai, hưng-phục nhờ ai, lụy triều bình-trị nhờ ai, mạc ~~kinh-địa~~ trung-nghĩa lại vun về đại-địa.

Từ Nam-phỉ dựng nên nền loạn; khiến Tây-đô mắc phải bụi trần.

Làng cận-thần đành còn cảm tiên-vương, song địch-thành liền Hoan Ái đôi châu, quấy-quất rộn trăm đường, thế ứng giặc cũng chẳng được chớ; người kiên-nghĩa chi nỡ quên cố-quốc, bụi trần-giá cách U Yên muôn dặm, bơ-vơ nương một góc, lối cần-vương dễ biết là đâu.

Ấy vì gặp hội khuê-li; nên chửa có cơ tụy-tụ.

Vả nhớ thủa trước kia đàm-trạch, xem dường quí-xứ lắm hơn; mà thương nay trong ấy thụ binh, đọ với tha-phương càng thảm.

Tình hoài-thổ xiết bao thắc-mắc; nỗi tàn-dân luống những băn-khoăn.

Vậy nên, thượng phụng Hoàng-thân; dao khâm miếu-lược.

Cuộc tiến-thủ lấy Kinh-trung làm trước, thành Thăng-long bằng nghe tiếng thê-ô; bài

14.- 公務間適見勇決官家人阮廷格自北回，奉言皇上消息，微臣竟觸感，即席吟小律

辦髮可為皇帝淚。纏頭尤嘆世人心。
若將國恨衡深淺。南恨何如北恨深。

15.- 送前文班官 [微臣奉撰]

嗟嗟國步屬屯雷。汚衊西塵滾地來。
視朔明堂知甚处。經邦君廟委空堦。
(thùy 邦) 九金神鼎餘遺燼。萬石公家剩積苔。
正是肝宵薪胆會。舒樂有望前調梅。

16.- 送南道官東岳侯地灵黎惟洽 [微臣奉送諭旨，并私附言意詩一律]

淪胥雖然燼未残。豈應兀生嘆江山。
洗光若念房州遠。挽落那知海嶠寒。
尚覬君存兼帥在。可堪西往復南还。
[由微臣前逃难，客于青淶之受廛，常與地灵官相逢。及被召自南方]
回思旅邸陪吟处。渺渺江雲渭樹間。
[日者微臣奉命，給旨勤王各道。前文班參從官泗川侯 (chức 公潘滿) 奉送銀子二十笏，會同官阮惟謙，黎公碩，黎登奉，並逢受密語。武班北道嘗武侯，東道玗武侯，西道灤武侯，並逢受密旨。琰忠侯，華亭侯，睦溪侯，永忠侯，並親受密旨為內應。]

trường-khu từ Thang-đạo trở vào, quân Hoàn-hổ phải núc lòng sách thú.

Khuyên đôi xú động niềm trung-phẫn; giúp một Ngài chống thủa gian-nan.

Thù tổ-tông chi đội trời chung, lòng tất-báo thanh-thiên bạch nhật; bóng liễn-tất mai về đất cũ, chữ đồng-hưu sơn Thái, hà Hoàng.

14.- Được tin Hoàng-thượng

(Trong khi công-vụ, có gia-nhân của quan Dũng-quyết, tên Nguyễn Đình-Cách, từ Bắc về, cho biết tin-tức Hoàng-thượng. Bất-giác xúc-cảm, vi-thần ngâm bài tiểu-luật)

15.- Gửi cho ~~các~~ quan văn-ban cũ

(Vi-thần soạn)

16.- Gửi cho quan Nam-đạo, người Địa-linh, là Đông-nhạc-hầu Lê Duy-Hiệp

(Vi-thần vâng mệnh gửi chỉ-dụ trên-số 15- nhân-tiện gửi thư này để tỏ ý riêng. Khi trước đây vi-thần chạy nạn, náu ở làng Thụ-triền thuộc huyện ~~Đông~~ Thanh-lan, thường hay chơi với quan Địa-linh. Sau bị triệu, nên vi-thần mới từ Nam-đạo lên Tây-đạo.

Bấy giờ, vi-thần vâng mệnh, cấp chỉ cần-vương về các đạo. Về văn-ban thì quan tham-tụng cũ là Tú-xuyên-hầu[a] được nhận 20 hốt bạc, các quan đốc-đồng ~~Lê~~ Nguyễn Duy-Khiêm,[b] Lê Công-Thạc,[c] Lê Đang-Củ[d] đều nhận được mật chiếu. Về vũ-ban thì Quản-vũ-hầu[e] ở Bắc-đạo, Can-vũ-hầu[f] ở Đông-đạo, Vạn-vũ-hầu[g] ở Tây-đạo đều nhận được mật chỉ.

(a) Tức là Phan Trọng Phiên, người xã Đông ngạc, huyện Từ-liêm.
(d) Người làng Khê h. Từ-liêm, hoàng khoa Kỷ Hợi 1779.

17 祭文［日耆徽臣迯歸南海，寄于瑞英縣垂楊社。奉制袭服，自爲文奠于
　嗚呼疾興常事。瑤曷敢以訴蒼蒼。惟吾王，仁厚之資，不幸当
步頻危之運。天縱不使之興，独不可使之全，而乃至是耶！千古
從此終矣。瑤不得不呼蒼蒼而号訴者也。
　痛惟王。処変達權，樂天安命。初無心于黄屋。丙午秋由避
入帥府。迫於皇家之典，羣情之推。况今天地改観，山河頓
王豈樂夫僥倖于所难。惟以二百餘年宗廟之重，傳至王
遠民。王心之忻不寧。
　奉算自竹塢，石磊之北。 邛江，淦山之東。博澤，拱礼之南。以
玉梗，扶竜，同山，古隴之西。飽歷幾番危險，幾番艱關。
涛嵐障而不辞，悪水深山而靡恤。糾合忠義，号召將臣。冀
憑仗天心，一清内难。匡扶帝室，重整東圖。以副列先在
托。不謂錦川地尽，車駕崎嶇。湯邑雲迷，千年悵恨。天
耶？地也耶？国運也耶？
　瑤奉從幸驛，歷閲四周。主不以瑤卑猥，责共二三苗臣，規
京事。及准許便宜，給音勤王各道。瑤自峯崗拜別，仰遵聖
惟日孜孜。妻子啼号，不敢内顧。心腹疼痛，不敢遑安。黾勉奉
庶可酬付託于萬分中之一。適今公幹將完。訃音乍促。瑤從
不得覲清光矣，侍顔徇矣，执覊靮矣，陪鞭墨矣。仰真容而
泗，捧遺札以傷心。裂胆摧肝，膈臆誰訴。幾度天边栖旅，
馬力之願效未終。一朝槊嶺歸真，悵竜髯之号攀莫逮。謹奉
礼制服。三年衰絰，萬古綱常。伏訴在天之灵。於此乎一臨。

(27) 庚戌年孟冬月，王駕次安山之峯峒，密嗃臣同共諸臣規措京事，及準許
(28) 便宜，密給諸道諭旨。臣自峯崗拜別，領旨奉行。倏聞西嶺侯邀
駕入永同山下寧驛。臣自度此処險悪，不宜留駐。間已別择善地
累啟懇乞迁幸。王辞以水土已服。竟不果。又適有前潘都合之
子海派侯，從清道来集護。及石碑典来奉迎。王因共伊等員，随
諸扈從，由永同山便道徑入古隴。臣常命在京公務將竣，忽
此间。至日前欽差都城道信武侯又不謹。京事遂泄。因此，
敵自相吉。殺六都督：督仕，督任，督忠，督用，督徇，督歡，
共一該簿伤威侯吳文彷。由日耆伊等密共我謀内攻。

Diễm-trung-hầu, Hoa-đình-hầu, Mục-khê-hầu, Vĩnh-trung-hầu thì được vi-thần trực-tiếp trao mật-chỉ làm nội-ứng.

Việc xứ-phân mới vừa hoàn cục,
Cũng nghĩ rằng hưng-phục có ngày.
Bỗng đâu mây ám ngàn Tây,
Trong nàn ngôn xử trời hay chang trời.
Nghĩa chúa tôi nghìn đời tự đấy,
Lòng vi-thần áy-náy ban-khoan.
Dọt châu thánh-thót dầm khan,
Mảnh thôi chế-phục một van tương thầm. (27)

17.- Van tế Yến-đô-vương

(Bấy giờ vi-thần chạy về miền bể Nam-hải, trú ở xã thủy-dương huyện Thụy-anh. Bèn chế tang-phục, và tự làm van tế.)

(27) Tháng 10 nam Canh-thân 1790, vương-giá dừng ở lành Tốt-động huyện An-sơn, mật sai vi-thần cùng các thần khác xếp-đặt việc ở Kinh. Rồi cho phép vi-thần tiện-nghi, và mật cấp chỉ-dụ cho các đạo. Vi-thần từ-biệt Tốt-động, lĩnh chỉ thi-hành. Chẳng bao lâu, được tin Tây-lĩnh-hầu đem vương và ở dưới núi Vĩnh-đồng. Vi-thần tự nghĩ rằng xứ ấy hiểm-ác, không nên ở lại lâu. Trong khi ấy lại tìm riêng chỗ đất lành khác, và nhiều lần gửi khải xin vương dời tới. Vương từ, nói là đã quen thủy-thổ. Cho nên cuối không mời được. Vả chang, có Hải-phái-hầu là con Phan quận-công ngày trước ở Thanh-đạo tới hội bàn, và có sách Thạch-bi lại rước. Vì thế Vương cùng các người kia bỏ núi Vĩnh-đồng, đi tắt đường tới Cổ-lũng. Còn vi-thần thì được mệnh ở lài Kinh lo việc cho xong. Thình-lình được tin dữ. Đến ngày hẹn, khâm-sai Đô-thành cũ là Tín-vũ-hầu lại không cẩn-thận. Việc ở kinh bị tiết-lậ. Quân địch tự nghi nhau, giết 6 đô-đốc, là đốc Sĩ, đốc Nhâm, đốc Trung, đốc Dung, đốc Tuận, đốc Hoan, và viên cai-bạ Đức-uy hầu Ngô Van-Đức. Ay vì các người ấy đã mật mưu với vi-thần để làm nội-công.

18 附註：辛亥(1791)年，徽臣奉制服。迨癸丑年，喪服畢，又為文奠(祭)
服：嗚呼：彼蒼不弔，吾王何歸。千古悠悠，空蓄難言之恨。
年戚戚，枉深曷既之悲。

今日適除衰絰服。中夭薄奠菜毛儀。伏祈精爽，山(昭)
知。

乃是年服既除，即於垂楊之旅亭，迎第二王子鄭公奉
公時年二十二。變姓名，下同小生受業。至甲寅年春仲，公又不幸
卒。謚曰淵睿，仍於垂楊社權葬。自為祭文奠之

Năm ấy, phục xong, tôi bèn rước con thứ hai của vương
tới nơi trọ ở Thụy-dương, để nuôi. Bấy giờ công 22 tuổi
Đổi họ tên và cùng học với học trò khác. Đến năm Giáp dần
1794, công không may lại mất. Đặt tên thụy là Uyên-duệ, để qu
ở Thụy dương. Tôi làm văn điếu-tế:

嗚呼舊未復而公先死。志未就而公先喪。生帝王之州，而死
于涯角。以神明之胄，而喪同於庶人。臣之罪耶，天地之變耶
公含恨而終，臣失公而痛。十一廟在天之靈知之耶

19 奉挽故主大元帥晏都王(附自嘆意)
幾度崎嶇輦蹕塵。倏然嶺嶺(?)纖愁雲。
攀髯莫逮彈孤淚。挽靷何從悵此身。
天地未應容蓋窃。谷山想亦泣慈仁。
皎月西沉紅日遠。藏弓底事付蒼旻
(睹鑾駕已迁内地)

20 奉挽皇弟第三宮太尉翼武公：
干戈落落屬時艱。雄阻宣光一帶山。
西望劇憐煙廟冷。北瞻遙怛暮樓寒。
一身兄弟君臣誼。三載風霜劍旆间。
地下如逢先列圣。可將慈孝對慼顏。

21 奉挽王元子鄭公[公自先主不幸土寘，蓄志恚美，陰圖報復。既乃被前副知
户番名載出點密訴。以致遇害。]
君父之讐不共天。行間墨絰欲從權。
黨庭有至清仇敵。司戶無端暗倒顛。
已矣香魂朝列廟。哀哉神考泣重泉。
孤臣一副心腸処。半為公悲半自憐。

18.- Văn tế trừ-phục (Phụ-chú)
(Năm Tân-hợi 1791, vi-thần chế tang-phục, đến năm Quí-sửu 1793 thì hết. Lại làm văn tế.)

b, xem ...

Tiết lục-âm Vương-gia là thế, 六陰
Chút còn trông Hoàng-đệ tam-cung. 皇弟三宮
Đường-sồ gặp tiết nội-hồng, 唐雛 内訌
Ra xe một góc, thi đồng mấy phen. 試銅
Ngàn dải Tuyên dụng nền dụng vũ, 宣
Dù lam-yên chướng-vụ quản bao. 嵐煙障霧
Bỗng Văn-Đồng (28) có làm sao, 文桐
Một tay giáo trở tao này là đôi. (29) 教阻
Ngậm ngùi ngùi trộm lo bước nước, 噤
Chống càn khôn, tay thước còn ai.
Ngẫm con quốc-vận khuynh-đồi, 傾頹
Sầu quanh tấc dạ, thơ bài và chương:

19.- Văn Yến-đô-vương (phụ tự-thán ý)
20.- Văn Hoàng-đệ thứ ba Thái-úy Dực-vũ-công
21.- Văn con đầu Yến-đô-vương (Từ khi tiên-chúa mất, ông mật triệu những kẻ trung-nghĩa âm-đồ báo-phục. Bị tên phó tri Hộ-phiên cũ, là Tải tố-giác, nên bị hại)
22.- Điếu quan thiêm-sai tri Lại-phiên cũ là Lý Trần-Quán (Năm Bính-ngọ 1786, Nguyễn Hữu-Chỉnh đem Tây-sơn tới Kinh, Đoan-nam vương chạy giặc. Dọc đường, ông gặp, bèn mời về xã Hạ-lôi. Bị một thằng gian tố-giác. Ông xin miễn cho mãi không được, bèn tự tử. Sau được phong Thượng-đẳng-thần.)
23.- Điếu quan Binh-bộ thượng-thư cũ là Bút-

22 - 肅吊前漆差知東沓李台公〔丙午年，阮有整引西蛮入關。端南王西避敵。公道遇拜見迎駕至下雷社，為一種逆類所許。公再三勉不得，死之。後封上等神〕

瓊旗北指駕西奔。　实出宮倫庵至尊。
誰捧孤鑾輸寇手。　自先一刎見忠魂。
猶生正氣光千古。　未死丹心爵九原。
匪直本朝隆祀典　　将来那竟幾雄们。

23 肅吊前兵部尚書筆峰侯承治阮台公（公前在山西臨洮府待命。並發欽首。及臨難，辞語慷慨，毅然不屈）

逋播江湖苗庙堂。　痛心虓棘耻禽裳。
遙欽燕北綸言重。　孤張洮西羽檄惶。
舌比常山生不怍　　身骑箕斗死猶香。
完名長使人欽慕　　望筆峰頭認首陽。

24 肅吊碩武公家〔丙午年，阮有整引西蛮入關〕，公之子范爵志等六員，附與賊党阮有整戰于丹鳳之大溝，又遇害。壬子年，萬武侯，公之弟五子，于山西，亦遇害。噫公父子八人。皆為王家死節臣。〕

宮駝會見委荊蓁　　舉目江山淚欲頻
迭為君臣三唱美　　终教父子八成仁
此千萬古綱常誼　　况十餘王豢養恩
惆悵那間完大節　　李前范後外無聞

25 肅吊前定武侯張公（公由十里侯起義，屢與賊戰皆以少勝衆賊人畏之，惟立脚無地。反為賊所僕）

倚天一劍截雲孤。　萬敵还推十里侯。
鐘鼎不嘗卿相味。　木竿能念国家讐。
武無地用英雄泣。　新有天爭節義愁。
半瞬倏成終古恨。　英声長與北江流。

26 附：挽雲耕節義李台公（盛烈行參撰寫）

国破時危肯救身。　憶公对我盖曾云。
花芳奠自生来别。　木脆堅從晚節分。
義槩詎知崇简典。　貞魂猶想傍風雲。
可憐物議还無定。　或曰何哉摘主君。

(28)黃文桐即演郡公 (29)戊申年皇弟二宮亦為演郡所許。

phong-hầu, người làng Vĩnh-trị, Nguyễn Đình-Giản (Trước ông hầu mệnh ở phủ Lâm-thao thuộc Sơn-tây, mà mật phát chỉ của vương. Khi bị nạn, từ-ngữ khẳng-khái, không chịu khuất)

24.- Điếu nhà Thạc-vũ-hầu
(Năm Bính-ngọ 1786, Nguyễn Hữu-Chỉnh đem Tây sơn tới Kinh, con ông là Phạm-Gia-Chí và em cả thảy sáu người đều theo ông chống giặc ở Vạn-xuân trên sông Nhị. Chúng đều bị chết. Đến năm Đinh-mùi 1789, ông lại đánh nhau với bọn Hữu-Chỉnh ở lành Đại-phùng thuộc huyện Đan-phượng, cũng bị chết. Đến năm Nhâm-tý 1792, con thứ 5 ~~em~~ ông là Vạn-vũ-hầu khởi binh ở Sơn-tây cũng bị giết. Than ôi, nhà ông có tám cha con đều chết vì nhà Vương cả.)

25.- Điếu Định-vũ-hầu họ Trương
(Ong lấy hiệu Vạn-lý-hầu mà khởi nghĩa. Nhiều lần đánh nhau với giặc, có được ít nhiều. Giặc đều sợ. Nhưng sau không có chỗ nương thân, bèn bị giặc bắt.)

26.- Quan Hành Tham-tụng người Thịnh-liệt (Bùi Huy-Bích) điếu quan tiết-nghĩa Lý (Trần-Quán) ở Vân-canh (Những bài này là phụ-lục)

27.- Và điếu Nguyễn (Đình-Giản) người Vĩnh-trị

28.- Quan Thiếu-tuấn Hoa-đường (Phạm Quí-Thích) khi qua làng cũ của Định-vũ-hầu Trương Dao, cảm-xúc mà làm: một bài luật và hai bài tiểu-luật.

Cuối quyển thượng

(28) Hoàng Văn-Đồng tức là Diễn quận-công.-(29) năm Mậu-thân 1788, hoàng-đệ thứ hai cũng bị y tố.

27 又挽永治阮台公

暴雨摧残上苑花。頂天守護奈花何。
心存帝主誰能報。膽似兄侯世幾多。
非必才謀撐宇宙。詎堪頹靡辱山河。
羞对斜暉恬挽戈。

28 過定武侯張瑤故里有感［華堂少雋官］

崇嶺山外壓陽渡。千里風煙并北東。
浪過邊洲津口白。塵當普瀬戍楼紅。
六頭江下一流廣。安子峯来千嶺崧。
定武侯鄉在对岸。惜哉當日説英雄。

又二小律

a, 縱横此地十餘年。事縱無成也壯然。
日暮風多悲吊処。吾人無淚只詩編。
b, 東北之交此地頭。英雄用武豈他求。
山川形勢依然在。不見當年定武侯。

徽臣自奎駕北此内地，本國帥府峡皇弟王子。又往还陀會，不幸上虜臣累弗娱去，惨戚南归，客于瑞英之山棠，伊縣去大海一里許。

(30) 壬子夏季，奉呂仙賜詩云：日光可洗忠臣妙古，朝露难收暴主今”是年秋初阮惠死，一名竜驤

(31) 奉韓仙賜長編。中一段引海上詩云：“午風吹皺起海雲悠。”一日者請问詩意，奉見降筆指南阮。

Vi-thần, từ khi loan-giá qua đất Bắc, quốc-súy, Hoàng-đế và vương-tử đều ngộ hại, bị mấy lần bất-đắc-chí. Bèn đau-đớn chạy về phương Nam, trú ở xã Sơn-đường, thuộc huyện Thụy-anh. Huyện này chỉ cách bể hơn một dặm.

Chốn tha-hương đã về Nam-hải, 南海
Biết cùng ai tường hỏi căn-nguyên.
Trai-đàn khấu-thỉnh Thiên-tiên, 斋坛
Dãi trong một tấm thấu lên chín lần.
Ngâm năm vần nghĩ lời thanh-hối, 清誨
Tỏ chân-cơ chẳng dối phàm-ngu. 真機
Như rằng "triêu-lộ nan thu," 朝露難收
Tuôn sầu mây đã mịt-mù non tây (30).
Bỗng phút giây Long-Nhương thoát biến, 龍驤
Dường hảo-hoàn đà chuyển máy huyền. 好完
Lại vâng nhận bức trường-thiên,
"Ngọ-phong" đôi chữ thơ tiên càng mầu (31). 午風

Từ đây trở xuống, sách chép toàn những thơ tiên giáng-bút. Sau đây tôi tóm tắt mà thôi, và chỉ ghi lại những điều có liên quan đến lịch-sử.

A.- Ngày 27 tháng 5 năm Nhâm-tý 1792, ông cầu Giang-trung Lý-tiên. Tiên vĩnh nhàn hai bài. Ông hỏi hai điều: Ngày nào trở về Kinh và tiền-trình của mình. Tiên trảlời bằng hai bài thơ. Ý không rõ-ràng.

B.- Ngày mồng hai tháng 6, cầu được Lã-tiên

(30) Tháng 6 năm N.Tý 1792, Lã-tiên cho thơ, có 日光可洗忠臣古,朝露難收暴主今 .Đầu mùa thu năm ấy, Nguyễn Huệ chết. Huệ có tên là Long-Nhương.

(31) Hàn-tiên cho thơ tràng-thiên, có đoạn ám-chỉ họ Nguyễn miền Nam.

(F) 1, 憶故殿 (29)

Bài hoà của Đạo từ bá 29. 無端嘶馬一番驚　羯臊氈塵滿帝城
五石門前竜亦淚　三山宮裡草如腥
滄桑天定更新局　參泰人依怛苗情
欲叩南關祈接駕　遙遙何処是乾清 (燕京有乾

30 2, 憶故宮 (30)
冷落寒墟碧蘚侵　客亭遙憶帶愁斟。
無情秀麥翻成浪　有淚残花幾見陰。
闌燼螢迷叢草裏　臺荒蟾落廢池心。 殿
昔楼誰是今為戍　空盼停雲一片深。

31. 3, 遙望燕京塵駕 (31)
誰將犀甲報天椒。遙睇臣心未易描。
徒有聞鷄識亦密。来無塞鴈信还遙。
早知旅駕淹旬月。先共行臣侍夕朝。
旋軫佳期如未卜。魚竿長向海边拋。

Ong xin tiên vĩnh các cảnh Hải-vân, Hải-nguyệt, Hải-phong, hải-đảo.

C.- Ngày mồng 5 tháng 6, Hải-thượng-đạo-ông giáng bút. Làm bài thơ nhàn vĩnh. Ong làm thơ cảm-tạ, tiên có điểm. Tiên lại họa lại ba bài. Ong lại họa lại, được tiêm điểm và khen. Y ông tự thán cảnh cô-thần lưu-lạc.

D.- Ngày mồng 9 tháng 6, Lã-tiên lại giáng bút và họa theo vần ngày mồng 5, làm thơ Nhàn-ngâm, và xướng thơ Vĩnh hạ-hoa. Ông họa lại.

E.- Ngày 11 tháng 6, cả Giang-trung Lý-tiên và Hải-thượng đạo-ông đều giáng. Lý-tiên xướng, Hải-thượng họa, như thế hai lần. Rồi mỗi tiên ban cho ông một bài tràng-thiên đề Vũ-long-ngâm. Ông họa đáp riêng từng tiên, vừa thơ luật vừa tràng-thiên.

F.- Đêm 19 tháng 6, cả hai tiên cùng giáng. Theo vần hôm trước Lý-tiên xướng, Hải-thượng họa. Rồi ông ông xin thơ vĩnh Ức Cố-điện, Ức Cố-cung và Dao vọng Yên-kinh trà trần-giá. Lý tiên cho, ông họa lại (29, 30, 31), được hai tiên điểm và khen lắm.

G.- Đêm 26 tháng 6, Lý-tiên và Hàn-tiên đều giáng. Hàn-tiên lại ban cho ba bài thơ vĩnh như hôm trước và theo vần của Lý-tiên Hàn tiên lại làm thêm một bài nhàn vĩnh. Ong họa lại bài tràng-thiên Vũ-long-ngâm. Rồi hai tiên Lý Hàn hoặc ban thơ hoặc xướng họa hơn mười bài.

(J) 潘公即潘輝溫天祿收穫人，景興己亥登科中進士。生前常在碧傳
坊嘗會諸貿日設帝坛叩請天仙。是夜仍提那詩乞點正.

39.- 昨仲秋三五夜，徵臣賦得"有月無酒"..

雲歛星稀夜色秋　壺中無酒月輪孤
嫦娥有影如相对　客婦無情不共謀
冷淡枯腸難潤筆　薰濃何処是当壚
雖然徵我其無此　月愈團圓思愈愁

(K) 秋月

秋掛銀盘影更高　氷精為酒兔為肴
伊誰赤壁濃吟興　良夜低迷鶴夢交

秋水

日晶月朗萬江清　秋水秋天一色晴
瑱水為誰秋部濁　叶灵人亦望川英

秋風

春暖冬淒各不齊　秋風半暖半淒淒
催開籬菊花粧往　吹落山梧葉滿溪
凉入霜江鮎活潑　冷侵月夜燕低迷
旅窓何処商飈遶　况復蟬琴声更淒

秋山

一天爽蕩萬山清　山到清秋青又青
明月孤高横峭壁　寒霜惨淡單層城
千載木落石客出　萬籟金吟岩色晴
旅客莫將蕭索恨　來冬之半一陽生

H.- Đêm mồng 1 tháng 7, Lý-tiên và Hàn-tiên cùng giáng, hai tiên xướng họa từng câu hoặc từng bài.

I.- Đêm mồng tám tháng 7, hai tiên lại xuống. Xướng họa một bài. Rồi ông xin ba bài, vĩnh Thiên-thai thái dược, Đào-động phóng chu, và Cốc-thành phiến-thạch. Nhân đó haitiên lấy ba đầu đề ấy mà xướng họa. Đang khi ấy thì trời mưa, Lý-tiên xướng bài Thất-tịch-hậu đại vụ, Hàn-tiên và ông đều họa.

J.- Đêm 21 tháng 8, các tiên Lý Hàn đều giáng. Ong xin thơ vĩnh Bích-câu hoài cổ và Tràng-an cận hồng-nhật viễn. Trong bài của Lý tiên có câu''歎起潘公問,此恨何時終'' ông có chú-thích rằng: ((Phan-công tức là Phan Huy-Ôn, người làng Thu-hoạch huyện Thiên-lộc, đậu Tiến-sĩ đời Cảnh-hưng Kỉ-tị. Trước đây nhà ông ở phường Bích-câu. Thường hội các bạn lại cầu tiên xin thơ.)). Đêm ấy ông lại đem bài thơ Hữu nguyệt vô tửu của ông làm bữa mồng ba hay mồng nam để các tiên điểm (32)

K.- Đêm mồng 1 tháng 9, các tiên Hải-thượng và Lã cùng giáng. Ong xin thơ vĩnh Thu- , nguyệt, Thu-thủy, Thu-phong, Thu-sơn. Các tiên và ông đều xướng họa.

L.- Đêm 26 tháng 12, các tiên Lý và Hàn đều tới ông xin thư vĩnh Đông-nguyệt hành hạ-lệnh. Tiên lại ban cho ông hiệu Thanh-phủ

L'.- Đêm mồng 3 tháng giêng nam Quí-sửu 1793 các tiên Lý Hàn lại giáng. Ong xin thơ vĩnh Cảnh hữu tân xuân tư cố-quốc. Lạt

L' 微臣是櫃奉提閣吟乞點正

33.- 賀仇人光中阮惠死 [壬子年孟秋月，阮惠死。日者臣客于瑞之山棠，倏閱僞欽侍報云：所在入臨，关禁歌唱。臣不覺舞且有詩賀]

　　凶残幾得遭天誅　况此狂蛮虐更浮
　　海国為渠成殄瘁　天涯令我久奔逋
　　生难噉肉多含恨　死欲鞭尸少洒誓
　　預卜蒼蒼还有意　可為一賀遏音秋。

34 海濵即景 [微臣辛亥毕冬，旅于瑞英之山棠。壬子秋，再迁縣之香楊。伊二村並接南海。]

　　風塵歷乱污江滸。　書劍飄零泊海濵。
　　污望双山連母子。　自傷兩地各君臣。
[岸之東有一山最高。山之前又别有一小山，低浮海水上。回頭拱形如母子。因名曰母山。伊山与塔(塗?)山，九竜山对峙]
　　天涯不偶久為客。　海景無情多媚人。
　　隐約蜃楼先得月。　迷悠鯨浪欲挑雲。
[日西沉，月從海底上浮。红光晶荧。漸漸方到中天]
　　波撞烏賊沙堆骨　影鬪虹霓水織文。
[烏賊魚名，随波堆骨在沙岸上，可用医疾。日向暮，虹霓倒照，海与虹一色]
　　車取轉蓬知上智　牛能鼓浪見灵神　。
[岸上有蓬草，遇風則飛。形如車輪。黄帝因以制車。塗山夾有一古庙，每秋八月，两牛相鬪于山下。既乃飄風飛揚，海涛
　　鷗群在渚洒霜羽。　鱷隊逐波張錦鱗。
　　商舶月明吟棹曲。　北帆風利越波紋。
　　油村逼岸沙痕湿。　塩户当門水味分。
　　耕則沙田非穀種。　牧無牛笛剩羊群。
[沙野外不見牛跡。牧童亍亍牽羊]
　　漁能踏水擊漂竹。　樵却奔波逐片薪。
[每至水漲，各泛竹舟競取浮木]
　　景有煙霞皆可畫。　人於萍梗不知春。

(32) 臣自海南逃难 [前客于青蘭，後迁于瑞英。皆近接南海] 攜家兒相從。兒雋頴，博字強記。文章最青奇。仙家賜号曰玄南。壬子年仲夏二十七之夜臣奉坛請仙，家兒因问己身前程。奉見江中李仙降筆賜詩一章[江湖洋洒水詩翁，誰是当侯見相公。天運泰時於否後，人生间処在悠中。眼前事業須無问，身後芳名總是空。有景他時應勿留，江湖洋洒水詩翁。] xin 再問，又奉見降筆賜詩二句：[君问前程須少問，令人眼望轉成空]。迨

Nhân đêm ấy ông đem hai bài thơ của đã làm từ trước, để các tiên điểm. Bài đầu HẠ CỪU-NHÂN QUANG-TRUNG NGUYỄN HUỆ TỬ (33) có chú-thích:((Tháng mạnh-thu năm Nhâm-tý 1792, Nguyễn Huệ chết. Bấy giờ vi-thần ở làng Sơn-thường thuộc huyện Thụy-anh, được tin giặc truyền tin tới bắt dân để tang và cấm ca xướng. Tôi bất-giác nhảy múa mà làm thơ mừng.))

Bài thứ hai là Hải-tần tức-cảnh, có chú thích :((Năm T.Ho 1791, tôi ở làng Sơn-thường huyện Thụy-anh. Mùa thu năm N.Ty dời tới làng Thủy-dương. Hai làng đều ở cạnh bể.)) (34)

Ấy mấy câu rành rành quốc-sấm,
Nỗi vi-thần lại gẫm sàng thêm kì.
Tháng hè năm Tý tứ thi,
Tý qua Thìn đến, gia-nhi tạ trần.
Đủ ba xuân tang con vừa trọn,
Giã Hải-nam về chốn Sơn-tây.
Phong-châu đủng-đỉnh từ ngày,
Náu vây sông Hạc, đợi mây non Hùng. (32)

(32) Tôi từ lánh nạn ở Nam-hải (đầu ở Thanh-lan, sau dời tới Thụy-anh, đều giáp bể Nam-hải), đã đem con theo. Con thông-minh, học rộng nhớ nhiều. Văn-chương rất thanh-kì. Tiên đã cho hiệu là Huyền-phủ. Đêm 27 tháng 5 năm N.Ty 1792, tôi cầu tiên. Nhân đó, con hỏi về tiền-trình mình. Lý-tiên cho một bài thơ, ý nói sẽ không có công-danh gì cả. Đến năm A.Ma A.Ma 1895, có quan Hàn-lâm, giải-nguyên, quê Tào-xá họ Lê được quan thị-trung của giặc Ngô Thì-Nhậm sai cầm thư tới triệu (Thư rằng: Quản trưởng-quan bộ Binh đã biết anh ở đây, muốn đem ý hậu mời về. Vì thế, trước sai đệ chuyển-đạt chân-tình. Vả nay,

35 日者自海南迁山西因以詩贈丁未科進士少雋杜令善
果然甲第属詞宗。無負寒窓閲幾冬。
竜榜中人推少雋。鳳池上客继先公。[公先祖杜令名中進
殊荣未遠新袍笏。片節能償前爵鐘。
晚賀笑愚情似寡。原來南北各萍蓬。
附錄少雋官和詩
何當華藻擅詞宗。登第時逢華易冬。
鴈塔幸銛光列祖。竜墀僅窃尾名公。
未清敢築山阿室。無悶还敲粛舍鐘。
愧荷我公青顧厚。瑤章莊誦豁心蓬。
36 和丁未科進士廣瑞阮時班贈詩元韻
故鄉携手慶朋簪。別久相逢思轉深。
近走郊麒三屋趾 倦还山島再求音。
[日者国子監直講廣瑞公三次就訪。且看公詩集，有近走低穷之句]
覌詩可會先生意。徵學如符故友心。
江莱泮芹分趣後。落梁剩有月斜陰。
附錄廣瑞阮貴台贈詩
江湖十載各華簪 故国重逢喜慰深。
錦繡定徵前吉夢 桂珠易靳前知音。
煙波貽我怜同輩 文字憑君會此心。
分袂即今無別語 積陰皇路已光陰。
37 和青威两鮮元太平府訓導潘輝璐贈詩元韻
十四年来傲雪霜。江湖落泊為誰忙。
徒勝大節还為苦。未造中行莫若狂。
蒙古向微寛騙局。旅亭安得廠書堂。
相逢此日知何贈 多少離情話一場。
附錄青威两鮮元潘契兄贈詩
京邑相逢鬓已霜。回頭十載歲時忙。
憫君自許孤臣節。愧我仍同小子狂。
避地以来多授館。及門曽此幾升堂。
一區意者兄方靜。安得鄰居開講場。

(32) 年，翰林書舍鮮元黎，承偽侍中吳時任委差賫書赴召：[内開如云：
長官已知兄在那处，欵以厚意相邀。仍先使弟對達真情。且今参
池伯，宝家黄甲官，並在昇竜城做大隐。纂脩事務，亦不浩繁。
清穷惧。兄其諒焉。筆不備。] 臣因再携恣兒，自瑞英迁于膠水
中，以避偽命召。至丙辰年二月二十六夜，恣兒倏無病而終。時年三
仍寄塟里穿社。苦惱情况，不可殫述。日者有对句二聯，于灵前祀
[三十年陶範，我方將金玉覌兒。嗟乎兒假生，其業可成，其門闾可
千萬里攜携，兒却困水土棄我，哀哉我受其咎，於忠則存，於慈孝

35.- Bấy giờ Từ Nam-hải về Sơn-tây, nhân làm thơ tặng Đỗ Linh-Thiện ,đậu tiến-sĩ khoa Đinh-vị, thiếu-tuấn. (Tiên-tổ ông là Đỗ Lĩnh-Danh, tiến-sĩ, thượng-thư). Có chép bài của Đỗ họa.

36.- Họa thơ tặng của Nguyễn Thì-Ban hiệu Ngu-thụy, đậu tiến-sĩ khoa Đinh-mùi. Có chép bài thơ của Nguyễn.

37.- Hoa thơ tặng của Phan Huy-Dung, người Thanh-oai, giải-nguyên, làm huấn-đạo phủ Thái-bình. Có chép thơ của Phan.

Bỗng lạ-lùng cơ-nghi tiết-lậu, 機宜
Vì tế-quân mới khấu chân-tiên. 細君
Thư tính LÊ, thảo tự HUYỀN, 書姓黎草字玄
Giáng đàn đêm ấy là tiền gia-nhi (33) 前家兒
Tiên-thơ đề tiên-phương lại tả, 仙方
Cùng Lý-tiên xướng họa đôi phen.

(32 mới) quan Tham-tri Liên-trì-bá, quan Hoàng-giáp Báu-triện đề ở Thang-long ấn đó. Làm công việc cùng không ~~bi~~ phiền lắm. Va cũng khỏi nghi-sợ. Xin anh lượng cho. Bút không viết hết ý.) Vì vậy, tôi lại

đem con từ Thụy-anh chạy đi ở làng Kiên-lao ở Giao thủy, để tránh khỏi bị triệu. Đến đêm 26 tháng 2 năm B.Th 1796, con tôi thình-lình không bệnh mà mất. Bấy giờ 30 tuổi. Bèn ký-táng ở Kiên-lao. Tôi xót-xa không kể hết, làm câu đối treo bàn thờ.Hết tang, bèn cái-thổ về làng. Tôi lại bị quan tả thị-lang bộ Hình giao cử dạy học con quan Điện-tiền Đại-tư-đồ là Liên-hương-hầu giạc. Vì vậy tôi lại phải bỏ lòng trốn lên Sơn-tây, trọ ở thôn Bạc-hạc huyện Bạc-hạc (xưa là Phong-châu). Tôi dạy trẻ. Làng có một cổ-miếu. Linh-tích từ Trần đến nay vẫn còn. Trước miếu có sông, núi Tản hướng tới, Lô-giang bọc quanh. Tôi hỏi căn-nguyên rồi làm bài tán (có chép) . Lại ở làng Sơn-đông cũng gần Bạc-hạc, cũng có một cổ-miếu, gọi là Tả-tướng-miếu. (38)
Biển đề KHAI QUỐC NGUYÊN HUÂN,Thần giết Liễu Thăng. (39)
ở Ma-yên sơn. Tôi có đề thơ (có chép)

(10) 臣即席奉依元韻[李仙詩]拜和

半點孤貞臣子分。此心願不願人知。
餘千里作他鄉旅。效百年懷故国思。
已向五湖尋范蠡。可於三島覓安期。
还童他日符清諭。幫祐金憑造化机。

又論句
為梓離情應有合
蓬萊勝會豈無期

(38) 孟夏月，臣家婦病甞稍瘥，飲食自進。体色平復依苗。迨孟冬初夜，倏然長息效声而終。臣以哀感中，撰对句一聯，并長篇以
a, 对聯：十六載江湖，連播從夫分寸節。千萬重閬島，飄騰母子並真迩
b, 長篇

說到傷心淚欲垂。百年締訂一朝非。
生前旅邇淒風動。疑是家娘尚啟扉。
蓬山万丈双懸想。春恨未消秋恨添。
江湖從此復萍蓬。那覓旅中誰內相。
淒凉半枕續哀寒。杳杳真容欲見难。
惆悵當思情未割。低迷夢境玉人还。
每謂參苓元有力。憔容已喜重生色。
豈知仙境更飄飄。顛倒化机嗟莫測。
憶昔天边栖旅時。惟娘母子共相随。
可怜母子今何在。千里单留隻影兒。

(32n) ■若憑仙伯賜児書詩，泛泛弱水蓬山，此日逍遙去有景。只恨坐间我感，寂寂他鄉客地，當年思望恨無量。] 既而喪畢，改厝山塟家鄉。又被偽刑部左侍郎蓮香侯輩臣于偽殿前大司以教他衆子。臣因自家鄉便道逃之山西。寓于白鶴村[白鶴峰卅]私淑[塾?]小生，冀完寸節。伊村有一古庙，其灵迹陳朝迄今猶存 (cái chuông)。庙之前有江，傘山拱向，沪水縈迴。臣源，謹撰灵芳贊一道拜献：[傘山之翠，沪水之清。山川鍾秀，天神乃斋香徽馥，祥梦顯呈。風軿江上，雲敦石屏。倓臨宝地。悅鄉。双萱瞰水，一簇接清。東阿卞祷，北韃底平。鸾箋載錫，鶴重营。竜鍾响嘵，鼍鼓鏗鏘。石邑可格，竹象能鳴。三道戎弁，仰之英。三江商帆，荷王之灵。南邦普澤，北国蜚声。累朝褒秩，終古莫罄。穆后为，蕩乎难名。]

又以山東社，去白鶴稍近，亦有一古庙，号左將庙。額題開国勳四大字。[由生前佐我黎太祖，斬柳昇于馬鞍山。又身经百戰偶因经过入謁。走筆吟一小律，題之于壁 [鉄馬金戈百戰身。生名將死為神。皇黎今日嗟何在。願把精英擁故君。]。

其餘贈餞諸詩，並依元韻酬和。

(33) 臣家兒生前奉仙家賜号黎玄甫.

M.- Đêm mồng 2 tháng 3 năm Tân-dậu 1801, nhân vợ ông ốm bệnh sốt rét, ăn ngủ giảm, gần thành nguy. Ong bèn lập đàn cầu tiên. Đêm ấy tiên giáng. Ong hỏi tôn-hiệu thì tiên viết chữ Lê rồi chữ Huyền (đó là con ông). Tiên nhàn-ngâm hai câu và ban một bài tiểu luật và cho một bài thuốc. Rồi thăng.

N.- Đêm mồng 5, ông cầu Lý-tiên. Tiên lên viết bốn chữ 八十一丁 . Ông hỏi có phải Huyền-phủ chăng thì tiên cho một bài thơ rồi thăng.

O.- Đêm rằm ông lại cầu Lý-tiên, Lê Huyền-phủ giáng ngâm vĩnh và họa. Ong hỏi bệnh-thế vợ, và hỏi ''Hiện nay họ Nguyễn có thể mang đại-quân đến không.

38. Tháng 5, vợ ông lành. Nhưng đến tháng 10, tự nhiên chết. Ông làm câu đối và văn tế khóc

P.- Tháng chạp lại. Lý-tiên, Lê Huyền-phủ giáng. Ong hỏi bây giờ đã đi lo việc nước được chăng. Tiên có khuyên nên.

39. Văn cầu (Từ khi gặp đại-biến, tôi sầu thành bệnh. Bèn làm một bài văn cầu trời đất. Rồi chống gậy trốn vào núi Hạc, thầm cùng quan Bình-chương người Kim-lũ, lo việc cử nghĩa.

Dần-dà sang tiết hạ-thiên, 夏天
Gió nam giúp Nguyễn con thuyền như bay.
Cờ bình Tây mấy phen trỏ vẩy, 平西
180 Hiệu Cảnh-hưng còn thấy tôn Lê.
Vi-thần mảnh hịch phụng đề,
Mừng rằng thiên-hạ lại về cựu-quân. (Hết)

(33) Trước đó tiên cho con tôi hiệu Huyền-phủ

三十六年还一梦。 空遺節行令人痛。
悠悠千古怛怀之。 寂寂五更愁思重。
歸居在昔已同盟 不謂今朝異死生。
娘返故山含恨别。 嘶我迁新館帶愁征。
新館故山岐路遠。 嗟嗟何日重相見。
從今情况不堪言。 噫我一身经幾度变。
雖然我亦豈終穷。 頭上蒼蒼諒寸衷。
犬喜猪眠誠好會。 憐娘不共我亨通。

(39) 臣自遭家大变，愁極生病，仍撰祭文一道。上禱天地。既乃扶杖遯居鶴山。叅典苗平章金娄官，再閱美奉禱文

悚悚大彷，盖睿莫状於洪慈。瓚瓚微忱，降鑒仰干於胃瀆自甘万罪。兢惶倍切寸衷。言念臣某，以黎氏故臣，皇家乇造。十六年来，貞心一點。餘千里外，孫髮双鬃。身孤而妻子不復存。正值非常之家变。然重耳在卽君臣岂敢忘不共之国讐。故欲將以老残軀，勉赴君子経綸之倘且伯許多病痛，难分時賢匡濟之猷。仍此俯泜衷悃祈上鑒。経禱私愈度而愈否。固自知生平咎过之招。乃机弥極亣弥貞，猶有望蒼昊高聪之照。分外敢云邉念頭但願作忠。耄耋幸頼幇扶。得洗軟脚傷神之老健祇憑相祐，蒱伸捐軀許国之丹心。偶餘生可無至此死安敢惜。真誠听發。寫表其臨。

(34) 檄臣矯撰。由近来北城人心，日望廣南道大兵進發。仍此撰那檄。欲以順人使之争奋。且以眩敵人使之驚乱。有將計就計底檄意。一面嗃瑞英縣垂楊社人同知府弼遞南道東岳侯地灵官。一面嗃立石縣請含社人部各正面遞西道皇親宣郡公。一面拡自輪發先豊山及明農，清庙，程舍上，程舍下等社。关考，取兵丁。邀拿賊走路

Do vị thần bịa ra. Vì gần đây nhân tâm ở Bắc thành hằng ngày mong đại quân từ Quảng Nam kéo tới. cho nên tôi bịa hịch này, muốn đưa vào nhân tâm khiến họ phấn khởi, và lòa mắt khiến chúng kinh hoàn. Và riêng có ý ngầm để "tương kế tựu... Một mặt sai đồng tri phủ Bật người làng Thụy-dương thuộc huyện Thụy anh chuyển cho quan Đông nhạc hầu quê Địa linh, ngụ ở Nam-đạo

HỊCH DỤ BẮCTHÀNH TRUNGNGHĨA HÀOKIỆT (34)

Chiêu-huân-công tôn-điệt (前昭勳公孫姪...

Chỉ dụ những kẻ trung-nghĩa hào-kiệt ở các xứ, phủ, huyện thuộc Bắc-thành, để theo:

Đường đường hồ đế-trụ, thù tổ-tông chỉ để đội trời chung; du-du thử hà nhân, phận thần-tử phải lo đền nước cũ.

Nhớ từ nẻo: Lê-gia trung bỉ; Mạc-thị thượng can.

Dựng ba vua chống thủa cheo-leo, ngã tiền-tổ trước gây nền phục Hạ; trải trăm trận nhờ cơ giong-ruổi, Trịnh thái-vương nên trọn nghĩa khuông phù Chu.

Tuy Hoành-sơn ngăn một dải về Nam, nhưng liệt-đấu vẫn mấy tòa củng Bắc.

Bỗng một phút gặp ngã-gia truân tạo, song Ô Lý đôi châu nhỏ nhỏ, dẫu tồn vong chi quản nỗi nhà; bui chín đời làm Lê-thị viễn-thần, mà Hoàng-đô chiếc vạc chênh-chênh, thì thủ-sĩ khá toan việc nước.

Bóng liền-tất bơ-vơ ải Bắc, trông về Tản-lĩnh nghìn tầng; độc tinh-chiên lai-láng thành Tây, trôi khắp Nhị-hà mấy ngả.

Ngạch thuế nặng tham đường thạc-thử, muôn dân mỡ máu cũng hầu tàn; lưới hình mau thẳm tựa trăng-xà, trăm họ chân tay khôn nẻo đặt.

Nghĩ đến di-chủng đồ độc; cũng vì cố-quốc tất-li.

Vậy nên: đạp sóng dầy non, tấm mưa giãi giội (sic)

một mặt nhờ tên Chính người xã Triều xá thuộc huyện tập thạch đưa thay cho hoàng thân Tuyên quận công. Một mặt tư truyền cho các huyện Tiên phong, Tân-vị, các làng Minh nông, Thanh miện, Trình xá thuộc và hạ, đều bắt đuốt bắt

gió.

Lầu vọng đế trông đường gang-tấc, tấm trung-thành mong nối dấu tiên-công; cờ cần-vương sá ngại xa-xôi, cơ khuông-phục quyết dựng nền chính-thống.

Thanh tạc rập vang-lừng một trận; súc uy nên lần-lữa mấy thu.

Kỳ nầy, quyết chí an-nhương; thề lòng kham-bát.

Thủy-đạo nghìn sưu tiến phát, buồm thuận-phong mấy cánh như bay; bộ-binh muôn đội khởi-hành, quân thời-vũ máy lông chẳng phạm.

Qua Vân-ải dẫy xe thu-định, thành Phù-xuân đà nghe tiếng tiệp-ô; trỏ Giang-giang gió việt tuân cừu, miền Kinh Hạ lại xua đàn phục-thỏ.

Trước để chuồng hồi miếu-xã; sau là chửng-cứu sinh-linh.

Khuyên người Trung-nghĩa ngoài nầy; tỏ ý khuông-phù trong ấy.

Nghe vũ-hịch một lòng ứng Hán, giúp con Đông-Lạc trùng-hưng; dựng cán cờ bốn mặt công Tần, thừa thừa thủa Tây-man thất thế.

Còn những kẻ nghiệp tùng ngụy-quả; cũng là vì đạn cập dâm-hình.

Dù hay sớm biết đảo qua, gươm bất-sát hẳn là chuẩn-thú; như lại ra đường cự-triệt, lửa câu phần khôn lẽ cẩu dung.

Trước sau ngỏ mấy nhiêu lời; trên dưới tua cùng một sức.

Dẹp loạn ngửa nhờ trời đất, hồi loan lại rạng cổn-thường xưa; ghi công thề trỏ nước non, tằng quĩ lần noi thu-khoán trước.

日者·徽臣累闻哀訃自北回，皆言北轅晏駕，謹按古
(40) 臣聞君喪致其哀，仍制衰絰服如儀，欽撰祭文，北面
祭文：◦年◦月◦日孤臣進朝瑤池伯黎輝瑤奉上清香，稽首
泣奏于先君灵前。請行闻喪制服礼。痛惟先君，以乾剛
之資，當屯邅傾危之會。三百餘年，怛怵周廟。八千里外，涕泗秦
雲燕之轍跡未还。闢島之鑾声遽促。臣欽闻哀訃。剧切
惆。幾秋朔塞鵲接孤。久渴塵車之杳杳。一旦鼎湖竜去远，
仙馭之飄々。薄將潦水以羞誠，遥向氷天而洒淚。謹按
礼制服。三年衰絰，萬古綱彝。臣謹奏。
「月明星稀，烏鵲南飛。繞樹三匝，無枝何棲。此詩乃孟徳所
蜀先主奔走。壬戌年九月二十九日，徽臣欽撰。是日奉行制服
(41) 是年制服礼成，因自白鶴迁扶康，旅于伊縣下黄社永舍村居焉。伊
旁宿山居，亭正在山上，即伊亭山上，欽奉守節制。既乃講学授徒，誓守
笑来海山飄泊十九周星。妻子何歸，孤峰隻影。知者其蒼々乎。其
其下黄山上一片白雲乎。愁闷中仍賦伊亭山野題于壁：

a) 四環野畔側山腰。山野之中築旅巢。
堂上山翁和野老。门前野牧混山樵。
筆耕野壑非無粟。手植山薇自有毛。
那覓野山山野外。輿圖已尽属今朝。

b) 并詠孤竹美人，用璧球格二聯：高卧山屏，似流於清。□
其心則貞。深藏海外，似偏於隘，毛視周粟，其美為大。
c) 其書堂対句二聯：「萍蓬旅况家鄉夢，黍麥歌生故廟心。
(42) 書堂之前，庭草青々，其山上蓮花相间發。因追憶年前丁未春，
之海南授業，詠濂溪周先生"蓮峰下築室"。今细玩之。這
情景，正其詩中相似。因述其詩題于堂為記：

肯同鷹犬混猫蘭　　牽世皆忙我独閒。
岩脚另闲架舍静　　荷鬚倒照草庭寒。
黄茅白葦孤山外　　零月光風半壁间。
也貪愛蓮非是癖　　先生原可対蓮看。

癸亥十一月日故黎徽臣進朝入侍瑤池伯公卒。
附録：前丁未科進士廣瑞阮晴班書吊公対句一聯：

~~[illegible]xTRUNGNGHĨAxHÀOKIỆTx~~

~~39~~ [40] .-Van tế vua ~~ở x BẮC THÀNH x~~ (CHIÊU THỐNG

Bấy giờ tôi nhiều lần nghe tin vua mất ở Thanh-quốc, bèn xét lễ xưa, chế tang-phục, soạn van tế, hướng về Bắc, khóc mà lạy. Ấy là ngày 29 thánh 9 nam Nhâm-tuất 1802.

~~40~~ [41] .- Đề vách đình Vĩnh-xá (Nam ấy, tang chế xong, tôi từ Bạch-hạc dời tới huyện Phù-khang, ở thôn Vĩnh-xá thuộc xã Hạ-hoàng. Xã này bốn bề đều ở núi. Đình ở trên núi. Tôi làm lễ thú-chế ở đình ấy. Rồi mở trường dạy, thề giữ lòng trung. Tính lại phiêu-bạc ở chốn núi sông trong 19 nam. Vợ con đâu tá, chiếc bóng trên núi chơ-vơ. Trời hỏi có thấu chang, mảnh đá trắng trên núi Hạ-hoàng có thấu chang. Nhân đề thơ ở vách đình.) và ~~hai~~ [một] câu đối.

~~41~~ [42] .- Đề ở nhà học (Trước nhà học, cỏ sân xanh ngát, xen với sen núi. Nhân nghĩ đến mười nam trước, vào nam Đinh-mùi (?), lúc chạy giặc ở ven ~~kế~~ cũng dạy học trò, và có đề thơ tán Liêm-khê tiên-sinh làm nhà dưới núi Liên-phong, thì cảnh ấy lại giống cảnh bây giờ, nên đề thơ [ấy và nhà] ~~để~~ ghi.)

Ong mất vào tháng 11 nam Quí-hợi.

Ong tiến-sĩ khoa Đinh-mùi hiệu Ngu-thụy, Nguyễn Thì-Ban có câu đối viếng:

且看奪錦文章，棠共時~~[illegible]~~違。猶想竜頭徵好學。
况有挽鷄志氣功鮨夭壽。未庞馬鬣榆遠徵。

Bản này sao lại bản viết bằng chữ nôm và chữ Hán của ĐPBC số A 1323.

Bản ấy viết đã xưa, nhưng cũng còn sai một vài chữ một cách rõ ràng, khiến ta có thể chữa được.

Một sự chắc là sách này không phải là bịa đặt và thêm thắt.

Kẻ sao đã theo bản cũ đời Lê. Bằng chứng là ~~Không~~ có tên vua nhà Nguyễn không húy mà tên vua nhà Lê như Bang 邦, Tân 新 và Thành 誠 có viết húy.

Tôi đã sao lại, chữ nôm thì phiên âm chữ nho thì viết lại. Chỗ chú thích xen vào nôm thì viết ở cuối trang, có đánh số; chỗ chú thích xen vào phần nho thì viết nối như chữ ngả và có ngoặc.

Đoạn <u>thơ tiễn</u> thì tôi không chép nhưng có chép lại thơ của tác giả họa lại hay đã lắm.

Hanoi th 5 năm 1949

Tác-giả :

Nhan : 南清国語文

Xuất-bản
- Nhà : Sao
- Xứ :
- Năm :

Khổ :

Số quyển :

Số trương :

Hình :

Đồ :

Đóng :

Phiếu thứ :

Loại :

Mua tại :

Năm :

Giá :

Tác-giả :

Nhan : 旅中吟

Xuất-bản
- Nhà : sao
- Xứ :
- Năm :

Khổ :

Số quyển :

Số trương :

Hình :

Đồ :

Đóng :

Phiếu thứ :

Loại :

Mua tại :

Năm :

Giá :

Tác-giả :

Nhan : 陈言敬

Xuất-bản
- Nhà : Sao
- Xứ :
- Năm :

Khổ :

Số quyển :

Số trương :

Hình :

Đồ :

Đóng :

Phiếu thứ :

Loại :

Mua tại :

Năm :

Giá :

TUC THANH

Bản này sao lại bản viết bằng chữ nôm và chữ Hán của ĐPBC số A 1323.

Bản ấy viết đã xưa, nhưng cũng còn sai một vài chữ một cách rõ ràng, khiến ta có thể chữa được.

Một sự chắc là sách này không phải là bịa đặt và thêm thắt.

Kẻ sao đã theo bản cũ đời Lê. Bằng chứng là ~~Không~~ có tên vua nhà Nguyễn không húy mà tên vua nhà Lê như Bang 邦, Tân 新 và Thành 誠 có viết húy.

Tôi đã sao lại, chữ nôm thì phiên âm chữ nho thì viết lại. Chỗ chú thích xen vào nôm thì viết ở cuối trang, có đánh số; chỗ chú thích xen vào phần nho thì viết nối những chữ ngả và có ngoặc.

Đoạn thơ tiên thì tôi không chép nhưng có chép lại thơ của tác giả họa lại hay đã lắm.

Hanoi th 5 năm 1949